

V I E T N A M E S E
BASIC COURSE

VOLUME VI
Lessons 69-83
INSTRUCTOR TEXT

Revised January 1982

DEFENSE LANGUAGE INSTITUTE
FOREIGN LANGUAGE CENTER

CONTENTS

Keys for Translation and Listening Comprehension Exercises

Lesson 69

Translation (VN-EN).....	1
Translation (EN-VN).....	2
Listening Comprehension.....	3-4

Lesson 70

Translation (VN-EN).....	9
Translation (EN-VN).....	10
Listening Comprehension.....	11-12

Lesson 71

Translation (VN-EN).....	17
Translation (EN-VN).....	18
Listening Comprehension.....	19-20

Lesson 72

Translation (VN-EN).....	25
Translation (EN-VN).....	26
Listening Comprehension.....	27-28

Lesson 73

Translation (VN-EN).....	34
Translation (EN-VN).....	35-36
Listening Comprehension.....	37-38

Lesson 74

Translation (VN-EN).....	44
Translation (EN-VN).....	45-46
Listening Comprehension.....	47-48

Lesson 75

Translation (VN-EN).....	54
Translation (EN-VN).....	55-56
Listening Comprehension.....	57-58

CONTENTS

Lesson 76

Translation (VN-EN).....	64
Translation (EN-VN).....	65
Listening Comprehension.....	66-67

Lesson 77

Translation (VN-EN).....	73-74
Translation (EN-VN).....	75
Listening Comprehension.....	76-77

Lesson 78

Translation (VN-EN).....	83
Translation (EN-VN).....	84
Listening Comprehension.....	85-86

Lesson 79

Translation (VN-EN).....	92
Translation (EN-VN).....	93
Listening Comprehension.....	94-95

Lesson 80

Translation (VN-EN).....	101
Translation (EN-VN).....	102
Listening Comprehension.....	103-104

Lesson 81

Translation (VN-EN).....	110
Translation (EN-VN).....	111
Listening Comprehension.....	112-113

Lesson 82

Translation (VN-EN).....	119
Translation (EN-VN).....	120
Listening Comprehension.....	121-122

Lesson 83

Translation (VN-EN).....	128-129
Translation (EN-VN).....	130
Listening Comprehension.....	131-132

Note to Instructors

This is the Instructor Text, to be used by Instructors only. It contains the keys for correcting the following exercises and tests:

1. Translation Exercises (from Lesson 69 to Lesson 83)
 - a. Translation from Vietnamese into English
 - b. Translation from English into Vietnamese

2. Listening Comprehension Exercises (from Lesson 69 to Lesson 83)
 - a. Text of the Dialog
 - b. Questions related to the Dialog
 - c. English Translation of the Dialog

3. Lesson Criterion-Referenced Tests (from Lesson 69 to Lesson 83)
 - a. Vocabulary in Context
 - b. Written Interpretation
 - c. Listening Comprehension
 - d. Dictation

Each Instructor Text will be issued to Instructors with a control number. Security measures must be taken to prevent the material from being used for cheating purposes.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. Members of the Department of Education of Hồ Chí Minh city devoted special attention to the illiteracy eradication program.
2. Under the old regime, although many high schools, specialized schools and universities were built in the cities, a great many people still could not read and write.
3. Of the people in the countryside in particular, only ten or twelve out of every 100 could read, write and do simple arithmetic.
4. That is why the primary requirement now is that, within the next two years, all the people should be able to read, write and do simple arithmetic.
5. Officials of the Offices of Education accept this program as the right one and strive to work so that in two more years they will have eliminated illiteracy.
6. But there are a number of officials who don't agree with them, because if the people of the countryside toil from morning till night, they cannot have time to go to school.
7. That is why some people suggest that the older adults and the young study during the day and the younger adults strive to study at night.
8. If needed, the gaps between working hours could be used to teach them. But the main problem is to enable all the people to read, write and do simple arithmetic.
9. All government personnel that attended the lecture session agree with the above suggestion. The program for eradication of illiteracy will begin this June.

PART III.

TRANSLATION

B.

(English-Vietnamese)

1. Chính phủ nào cũng có một chính sách tiêu diệt nạn mù chữ ở trong nước.
2. Theo chính sách chính thức ở Việt Nam thì nhân viên của Bộ Văn Hóa phải lập một chương trình và phụ trách chương trình ấy.
3. Ở nhiều nước, công tác này thường được giao cho các trường trung học trong vùng. Vì vậy khi áp dụng chính sách của chính phủ thường vùng này khác vùng kia.
4. Ví dụ, có một trường trung học buộc người lớn và người già trong vùng theo học chương trình trung học.
5. Vì vậy, chính phủ Việt Nam nhấn mạnh rằng mục tiêu chính của chương trình này là dạy dân chúng ở nông thôn học đọc và học viết.
6. Chính phủ cũng ra lệnh cho sở văn hóa chú trọng đến các trường cao đẳng và kỹ thuật.
7. Chính phủ muốn lập một số cán bộ kỹ thuật. Các cán bộ này sẽ công tác trong các cơ sở mới xây dựng.
8. Cùng lúc đó, chính phủ muốn giúp các học sinh tốt nghiệp trung học mà không muốn đi đại học có cơ hội (dịp) đi học ở một trường kỹ thuật hay cao đẳng.
9. Để có một chính sách tốt nhất trong việc chống tiêu diệt nạn mù chữ, chính phủ buộc mọi nhân viên sở văn hóa phải gửi một đề nghị đến Đại học Sai-gon.
10. Theo báo cáo ngày 15 tháng giêng năm nay thì có nhiều nhân viên chính phủ ở sở Văn Hóa không đồng ý với chính sách do trường Đại học đề nghị.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Hùng và Quý

Hùng: Anh cho tôi biết về tổ chức văn hóa ở Việt Nam.

Quý: Bậc nào anh?

Hùng: Từ trung học đến đại học.

Quý: Trung học mất 7 năm còn đại học thì tùy ngành.

Hùng: Nếu tôi không muốn đi đại học thì sao?

Quý: Anh có thể vào trường kỹ thuật hay cao đẳng.

Hùng: Trường cao đẳng khác trường đại học thế nào?

Quý: Ví dụ nếu anh muốn học làm giáo sư trung học thì anh phải vào trường cao đẳng, còn nếu học để ra bác sĩ thì anh phải vào trường đại học.

Questions

1. Hùng muốn biết gì?
2. Bậc trung học ở Việt Nam gồm có mấy năm?
3. Học xong trung học rồi muốn học nữa thì đi học ở đâu?
4. Trường cao đẳng dạy gì? Một học sinh muốn sau này dạy bậc trung học thì phải tiếp tục học ở trường nào?
5. Còn nếu muốn trở thành bác sĩ thì phải học ở trường nào?

B. Translation of the Dialog

Hung: Tell me about the educational organizations in Vietnam.

Qui: Which levels?

Hung: From middle school to the university (level).

Qui: Middle school takes seven years. As for college, that depends on the field (or study).

Hung: What if I don't want to go to college?

Qui: You can enter (a) technical school or (an) institute of higher learning.

Hung: How is an institute of higher learning different from a university?

Qui: For example, if you want to study to be a middle school teacher, you must go to an institute of higher learning, and (if you want) to study to be a doctor, you must go to a university.

PART V. LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

- A. (1) Vocabulary in Context: The following 20 words or phrases will be read first in context and then in isolation. Write the contextual meaning, in English, of each word or phrase after the second reading.

1st reading Tôi mua áo sơ mi

2nd reading áo sơ mi

If you write down shirt, it is correct.

1. Phải xóa nạn mù chữ.
2. Anh định học ngành gì?
3. Chúng ta phải tranh thủ lao động.
4. Kỹ thuật ngày càng cao.
5. Vùng này không có công xưởng.
6. Ai cũng coi trọng vấn đề văn hóa.
7. Hiện nay tôi học ngày lẫn đêm.
8. Phải đẩy mạnh chương trình văn hóa.
9. Chúng tôi là học sinh.
10. Người già ở với ai?
11. Trường cao đẳng dạy làm gì?
12. Kỹ thuật thực hành rất tốt.
13. Người mù không đọc được chữ.
14. Sông dưới chê độ nào cũng được.
15. Đứng giữa đường nguy hiểm.
16. Phải tiêu diệt giặc dốt.
17. Toàn thể nhân dân ủng hộ chính phủ.
18. Trong vòng hai tuần nữa mới xong.
19. Phải đào tạo thêm nhân viên kỹ thuật.
20. Người lớn không được vào.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation of each sentence.

1. Đây là cách làm cụ thể của chúng tôi.
2. Việc quan trọng nhất là xóa nạn mù chữ.
3. Chúng ta phải đào tạo đội ngũ kỹ thuật.
4. Người lớn cũng học, người già cũng học.
5. Phải đẩy mạnh chương trình này.
6. Giờ lao động từ 8 giờ đến 5 giờ.
7. Trường kỹ thuật có học sinh vừa học vừa làm.
8. Nhân dân nông thôn vẫn không biết chữ.
9. Anh muốn biết về bậc trung học hay đại học?
10. Các cháu thiếu nhi học ngày học đêm.

Translation

1. This is our concrete way of doing (things).
2. The most important thing is to eradicate illiteracy.
3. We must train technical teams.
4. Younger and older adults alike study (The younger adults also study, older adults also study).
5. We must step up this program.
6. Working hours are from 8:00 to 5:00.
7. The technical school has students who both study and work.
8. The people in the rural areas/countryside still don't know how to read and write.
9. Do you want to know about the middle/high school or the college level?
10. The youngsters study day and night.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Chính phủ nào cũng đề ý đến hai vấn đề 1) xóa bỏ nạn mù chữ 2) tổ chức chương trình văn hóa nước nhà.

Vì chế độ cũ chỉ đề ý đến công tác xây dựng các trường trong các thành phố nên nhân dân thành phố biết đọc, biết viết, trong khi đó thì nhân dân nông thôn mù chữ là nạn nhân của "giặc đốt".

Gần chương trình văn hóa thì không cụ thể. Vì thế học sinh học xong bậc trung học rồi vẫn không biết gì cả.

Vì lý do ấy ngày nay chính phủ rất đề ý đến việc xây cất các trường kỹ thuật. Học sinh nào không vào đại học được thì phải đến học ở các trường này.

Questions

1. Chính phủ đề ý đến vấn đề gì?
2. Chế độ cũ đề ý đến công tác gì?
3. Theo chính sách trên thì ai là nạn nhân của "giặc đốt"?
4. Chương trình văn hóa dưới chế độ cũ thế nào?
5. Nếu học sinh không vào đại học được thì đi học ở đâu?

Answers

1. to eradicate illiteracy and to organize a national education system
2. to build schools in the cities
3. the people in the rural areas/countryside
4. It was not concrete.
5. to a technical school

B. Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Yêu cầu chính hiện nay là làm cho dân có đủ ăn.
2. Có ăn thì mới có thể học ngày học đêm được.
3. Sống dưới chế độ cũ khổ lắm.
4. Kỹ thuật nói đây là kỹ thuật thực hành.
5. Do đó chúng tôi nghĩ việc xây dựng các trường cao đẳng rất cần.
6. Chỉ trong vòng vài tháng nữa thì tất cả nhân dân ta đều biết đọc, biết viết.
7. Học cụ thể sau này sẽ giúp các học sinh tìm việc làm dễ.
8. Các học sinh phải đặc biệt coi trọng việc chọn ngành học.
9. Giờ lao động sáng từ 8 đến 11 giờ, trưa từ 1:30 đến 5 giờ.
10. Chế độ mới đặc biệt chú trọng tiêu diệt nạn mù chữ.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. The government constantly pays special attention to the problem of supplying enough provisions for the people to eat. The remaining portion of food supplies is exchanged for raw materials or (other) materials for use within the country.
2. But in the present, specific situation, when provisions are short and there are not enough crops to feed the people, how can we make exchanges for raw, and other, materials?
3. In this situation, the Ministry of Agriculture has motivated the people to apply new technology in agricultural work.
4. If a location lacks machinery for farming, the government will lend money to buy the machinery. If there are no technical personnel at a location, the Ministry of Agriculture will send personnel to help.
5. According to the Agricultural 5-year Plan, the harvest yield will quadruple in the third year. This amount will be enough to insure a supply of food for the people and to use for export.
6. But if we want good results in agriculture, the Ministry of Agriculture must solve technological problems and overcome other obstacles.
7. The technological problems include the machinery and the training of agricultural technology teams. Additionally, the Ministry must set up sectors (in which) to keep rice, corn and other crops.
8. There are two advantages to concentrating the places for keeping rice and corn: 1) the people can check on the amount harvested, and 2) trains can be used to transport the harvest straight to Haiphong or Ho Chi Minh City for exportation.

PART III
B.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

1. Hơn 70 o/o nhân dân Việt lấy nông nghiệp làm cơ sở sống. Nhưng dân vẫn không đủ ăn. Nếu năm nào bị mất mùa thì dân bị đói.
2. Mặc dù nhân dân nông thôn đã hết sức lao động, nhưng kết quả thu hoạch vẫn chưa được như mong muốn. Vậy vấn đề thiếu lương thực cho dân cần phải giải quyết ngay.
3. Chính phủ chỉ định bộ nông nghiệp phụ trách công tác tìm hiểu cách làm ruộng hiện nay của dân ở mấy tỉnh miền Nam và vùng Thái Bình ở miền Bắc.
4. Sau sáu tháng đi thăm hai miền trên, đội ngũ nông nghiệp báo cáo kết quả cuộc kiểm tra như sau: 1) nhiều miền dân làm ruộng một mùa, 2) họ vẫn áp dụng kỹ thuật nông nghiệp cũ và 3) thiếu phân bón v.v..
5. Họ đề nghị lập một đội ngũ kỹ thuật nông nghiệp. Đội ngũ này sẽ huấn luyện nhân dân cách dùng máy, móc trong công tác làm ruộng và công tác áp dụng phân bón để tăng số lượng thu hoạch.
6. Hơn 70 o/o người dân Việt Nam sống về nông nghiệp, thế mà số lượng thu hoạch không đủ cung cấp cho dân cả nước thì đang buồn thật.
7. Trong khi đó, chỉ có hơn 5 o/o dân Mỹ sống về nông nghiệp. Số lượng thu hoạch chẳng những thừa đủ để cung cấp cho cả nước mà còn xuất khẩu hay viện trợ cho các nước khác nữa.
8. Số lượng thu hoạch cao vì kỹ thuật nông nghiệp cao. Bộ nông nghiệp huấn luyện và giúp đỡ dân làm ruộng. Chính phủ bảo vệ gia lúa, ngô và các hoa màu khác.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Lâm và Lộc

Lâm: Anh nghĩ năm nay hoa màu có khá không?

Lộc: Tôi sợ bị mất mùa anh ạ.

Lâm: Như vậy vấn đề trao đổi lương thực lấy nguyên liệu bị khó khăn rồi.

Lộc: Tôi cũng quan tâm nhiều đến vấn đề đó.

Lâm: Tại sao năm nay số lượng thu hoạch kém vậy?

Lộc: Vì vừa thiếu mưa vừa thiếu phân bón.

Lâm: Vậy phải giải quyết cả hai vấn đề này ngay mới được.

Questions

1. Lâm hỏi Lộc về vấn đề gì?
2. Lâm nghĩ vấn đề gì sẽ gặp khó khăn?
3. Vì lý do gì năm nay bị mất mùa?
4. Họ thấy phải làm gì và bao giờ?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Lâm: Do you think that the crops will be pretty good this year?

Lộc: I'm afraid it will be a bad year.

Lâm: Then the matter of exchanging food provisions for raw materials becomes difficult.

Lộc: I'm also very concerned about that problem.

Lâm: Why will the harvest be so poor this year?

Lộc: Both because of a lack of rain and a lack of fertilizer.

Lâm: In that case, we must solve both of these problems right away.

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Năm nay phải nhập khẩu nhiều vật liệu.
2. Áp dụng chương trình nông nghiệp năm năm.
3. Số lượng lúa ngày càng tăng.
4. Mỗi người có một quan điểm.
5. Nhưng ai cũng muốn giải quyết nạn mù chữ.
6. Đứng trên phạm vi này mà nói thì
7. phong trào xây dựng nông nghiệp
8. còn gặp nhiều trở ngại.
9. Thứ nhất là thiếu máy móc.
10. Thứ hai là ít người quan tâm
11. Đền công tác lập cơ sở tại vùng.
12. Vì vậy việc trao đổi ý kiến
13. Hay lập trường thường gặp khó khăn.
14. Nên kết quả không được tốt.
15. Trong hoàn cảnh hiện nay.
16. Hoa màu không đủ
17. thì bảo đảm cái gì được.
18. Nhưng chúng ta phải vượt qua các trở ngại.
19. Đề tăng số lượng thu hoạch
20. Đề cung cấp lương thực cho dân.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Mương và máng dùng để dẫn nước vào ruộng.
2. Chúng tôi phát động nhân dân làm ruộng.
3. Họ được cung cấp máy móc và vật liệu.
4. Kết quả ra sao vài năm nữa sẽ biết.
5. Trong phạm vi nông nghiệp chúng tôi còn kém.
6. Chúng tôi thường gặp nhiều trở ngại.
7. Hai trở ngại chính là việc dùng máy móc, và vấn đề nước.
8. Nhưng hai trở ngại này không làm chúng tôi ngừng đẩy mạnh phong trào làm ruộng.
9. Yêu cầu chính hiện nay là phải có đủ lương thực cho nhân dân.
10. Họ phải hiểu rõ hoàn cảnh cụ thể của họ trước khi tiến công làm ruộng.

Translation

1. Irrigation ditches and gutters are used to direct water into the rice fields.
2. We motivate the people to farm.
3. They have been provided with machinery and material.
4. (We) will know about the results in a few years.
5. We are still weak in the area of agriculture.
6. We often encounter many obstacles.
7. The two main obstacles are the use of machinery and the water problem.
8. But these two obstacles won't make us stop pushing the farming movement.
9. The main requirement at the present time is that we must have enough food for the people.
10. They must clearly understand their specific situation before (they) attack farming.

- (3) Listening Comprehension: Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Người Việt lấy nông nghiệp làm cơ sở. Nhưng trong hoàn cảnh cụ thể của họ, lương thực năm nào đủ cho dân ăn là may lắm. Năm nào trời không mưa, thiếu nước là mất mùa, dân bị đói.

Tại sao như vậy? Vì kỹ thuật nông nghiệp của người Việt còn kém. Họ vẫn áp dụng cách làm ruộng cách đây hàng trăm năm trước. Họ dùng trâu thay máy móc v.v..

Chính phủ nên giúp đỡ họ bằng cách

1. thành lập đội ngũ kỹ thuật nông nghiệp
2. cung cấp vật liệu
3. cung cấp máy móc.

Nếu được như vậy thì chỉ trong vòng vài năm số lượng thu hoạch sẽ cao.

Questions

1. Dân bị đói trong những năm nào?
2. Kỹ thuật nông nghiệp của người Việt thế nào?
3. Họ dùng gì thay máy móc?
4. Kể một trong 3 cách chính phủ nên giúp nhân dân làm ruộng.
5. Nếu được chính phủ giúp đỡ đầy đủ thì bao lâu nữa, số lượng thu hoạch sẽ cao?

Answers

1. year of drought
2. poor
3. buffaloes
4. a) to form an agricultural technology team
b) to supply material
c) to provide machinery
5. in a few years

PART V.

B.

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Chính phủ bao giờ cũng quan tâm đến vấn đề cung cấp lương thực cho dân.
2. Chế độ mới đặc biệt coi trọng việc giúp đỡ người làm ruộng.
3. Chính phủ giúp đỡ bằng cách dạy kỹ thuật và cung cấp vật liệu.
4. Nhưng ở các nước chậm tiến, kỹ thuật nông nghiệp thường thương rất kém.
5. Năm nào trời không mưa, thiếu nước thì người dân bị đói.
6. Bộ nông nghiệp được chính phủ chỉ định tìm hiểu lý do.
7. Báo cáo được gửi về bộ với các đề nghị cụ thể.
8. Nhưng quan điểm của người đọc khác người viết.
9. Người dân vẫn áp dụng cách làm ruộng hàng trăm năm trước.
10. Trong phạm vi nông nghiệp, họ còn phải vượt qua nhiều trở ngại đáng kể.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. According to foreign experts, the Soviets are presently doing research on the manufacture of a new model of MIG.
2. This type of MIG can not only avoid/evade and destroy a Cruise missile, it also can not be detected by radar facilities.
3. Equipped with radar and modern electronic equipment, this aircraft has the speed of twice the speed of sound.
4. The TU-95 spying aircraft, bearing the abbreviated name of the chief engineer TUPELOV, is often used for taking pictures of military installations.
5. The IL-62 aircraft, bearing the abbreviated name of the chief engineer ILYUSHIN, is used to transport personnel, foodstuffs, or military equipment.
6. The TU-95 spying aircraft recently flew close to the air space of Japan, Hong Kong and the Philippines.
7. Because of the above-mentioned activities of the Russian aircraft, the Japanese and U.S. air forces ordered a number of fighter aircraft to take off and be prepared to engage (the enemy) if necessary.
8. But luckily no firing incidents had yet occurred in the air. The Russian aircraft just flew by once and did not return.
9. According to last month's report, IL-62 aircraft land at Đà Nẵng two or three times a week.
10. This military aircraft transports electronic equipment and personnel for training to Vietnam.

PART III.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

B.

1. Máy bay nào của Liên Xô cũng mang một tên viết tắt.
2. Tên viết tắt của mọi loại máy bay thường là tên của người chế tạo ra nó.
3. Thí dụ máy bay TU là tên viết tắt của công trình sư Tupovlef.
4. Máy bay Liên Xô mà ta thường nghe nhiều nhất là máy bay MIG. Tên MIG là tên của Mi-ca-i-an và Gu-rê-rít ghép lại, hai ông kỹ sư này đã phác họa và chế tạo ra máy bay.
5. Ngoài tên tắt ra, máy bay Liên xô còn có số nữa - thí dụ MIG-15.
6. Số ở đây chỉ định thể hệ của chiếc máy bay.
7. MIG hiện đại nhất là MIG-29, thường được dùng để tiêu diệt các tên lửa hành trình.
8. MIG-23 có ba kiểu: kiểu thứ nhất có tốc độ gấp hai lần tốc độ âm thanh.
9. Kiểu thứ hai là MIG 23B, ngoài tốc độ kẻ trên MIG-23 còn có cánh được bố trí hẳn về phía sau.
10. Kiểu thứ ba, MIG-23U, có hai chỗ ngồi và thường được dùng vừa để huấn luyện vừa để chiến đấu.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE
A. Dialog

Hải và Long

Long: Tại sao máy bay "MIG" có tên như vậy?

Hải: "MIG" là tên tắt của công trình sư Mi-ca-i-an, và kỹ sư Gu-rê-rít.

Long: Vậy loại máy bay Nga Xô nào cũng có tên tắt à?

Hải: Đúng thế.

Long: Có mấy thế hệ máy bay MIG tắt cả anh?

Hải: Ồ xem nào. MIG-1 là "anh cả" ra đời năm 47, MIG-15 rồi đến MIG 17, 19, 21, 23 và mới nhất là MIG 29.

Long: Nghe nói MIG-23 có ba kiểu có đúng không anh?

Hải: Đúng, các kiểu khác nhau ở chỗ bố trí cánh thôi.

Long: Còn MIG-29 thì sao?

Hải: Ngoài các trang bị hiện đại nó còn có phương tiện tiêu diệt tên lửa hành trình nữa.

Questions

1. Tên MIG ở đâu ra?
2. Có mấy thế hệ máy bay MIG?
3. "Anh cả" của MIG ra đời năm nào?
4. Thế hệ MIG nào có nhiều kiểu?
5. Và khác nhau ở chỗ nào?
6. Thế hệ MIG nào mới nhất?
7. Và có phương tiện gì đặc biệt nhất?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Long: Why does the MIG aircraft have a name like that?

Hải: "MIG" is the abbreviated name of the chief engineer MIKOYAN and the engineer GUREVICH.

Long: Then all types of Soviet aircraft have an abbreviated name?

Hải: Right.

Long: How many generations of MIG aircraft are there in all?

Hải: Oh, let me see. The MIG-1 is the "big brother" (and) was born in 1947. After the MIG-15 came the MIG 17, 19, 21, 23, and the newest is the MIG-29.

Long: I hear that there are three models of MIG-23, is that right?

Hải: That's right. The difference between the models is only in the arrangement/positioning of the wings.

Long: And what about the MIG-29?

Hải: Aside from modern equipment, it also has the means to destroy Cruise missiles.

PART V. LESSON CRITERION-REFERENCED TEST
A. (1)

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Người già sống trong thế hệ cũ.
2. Nhưng thường có quan điểm hiện đại.
3. Liên Xô quan tâm đến việc chế tạo
4. Các máy bay có tốc độ âm thanh,
5. và trang bị điện tử.
6. MIG 29 có thể tiêu diệt tên lửa hành trình.
7. MIG 23 dưới bụng có pháo hai nòng.
8. Tốc độ tối đa của máy bay
9. Cách thay đổi dạng cánh.
10. Các chuyên gia chế tạo máy bay
11. Động cơ của máy bay
12. càng ngày càng được chế tạo hoàn thiện.
13. Hôm qua là ngày ra mắt
14. của công trình sư Lê Dũng.
15. Ông ấy chế tạo kiểu cánh đuôi kép.
16. MIG 29 có nhiều ưu thế
17. và dĩ thiết bị hiện đại hơn.
18. Cánh được bố trí hẳn về phía sau.
19. Với tên lửa không đối không
20. Dưới bụng có pháo hai nòng.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Máy bay Liên Xô mang tên viết tắt của các công trình sư Liên-xô.
2. Đây là tên của các người chế tạo ra máy bay.
3. Liên Xô dùng ba kiểu máy bay để huấn luyện và chiến đấu.
4. TU, IL và MIG là tên các loại máy bay chúng ta thường nghe.
5. Chiếc MIG thứ nhất ra đời năm 1940.
6. Từ năm 1949 đến nay Liên xô chế tạo 7 kiểu MIG.
7. MIG 29 được trang bị tên lửa và pháo hai nòng.
8. Kiểu máy bay này có tốc độ gấp hai lần tốc độ âm thanh.
9. Các chuyên gia Nga vẫn nghiên cứu để hoàn thiện việc chế tạo máy bay của họ.
10. Chắc chắn một ngày gần đây sẽ xuất hiện nhiều chiếc MIG khác hiện đại hơn nhiều.

Translation

1. Soviet aircraft bear the abbreviated names of Soviet engineers.
2. The names are of the people who created them.
3. The Soviet Union uses three models of aircraft for training and for combat.
4. That is the name of the aircraft we often hear about.
5. The MIG-1 was born in 1940.
6. From 1940 to the present, the Soviet Union has manufactured seven models of the MIG.
7. The MIG-29 is equipped with missiles and double-barrelled cannons.
8. This aircraft model has a speed of twice that of sound.
9. Russian experts are still doing research to perfect the manufacture of their aircraft.
10. Surely one of these days soon, many more modern MIGs will appear.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Mấy tháng gần đây Liên Xô dùng máy bay Il-62 chở nhân viên và đồ trang bị xuống Đà Nẵng. Các nhân viên này sẽ dạy nhân viên kỹ thuật Việt Nam cách áp dụng điện tử vào việc bắn tên lửa không đối không.

Questions

1. Công tác của TU-95 là gì?
2. Công tác của IL-62 là gì?
3. Gần đây IL-62 hạ cánh xuống nơi nào ở Việt Nam?
4. Và chở đến Việt Nam những gì?
5. Nhân viên Liên Xô dạy nhân viên kỹ thuật Việt Nam làm gì?

Answers

1. spying
2. transporting personnel, food supplies or equipment
3. Đà Nẵng
4. personnel and equipment
5. firing of air-to-air missiles

PART V.
B.

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Các máy bay hiện đại nối tiếp nhau ra đời.
2. Mỗi kiểu, mỗi loại đều được hoàn thiện từ động cơ cho đến đồ trang bị.
3. Nhất là các đồ thiết bị điện tử đã làm các máy bay có nhiều ưu thế hơn.
4. Vì điện tử có thể phát hiện tên lửa hành trình từ xa.
5. Và cũng có thể chặn phá các tên lửa từ xa đến.
6. Nhờ cách bố trí cánh máy bay mà tốc độ tối đa của máy bay tăng rất cao.
7. Ví dụ cánh của MIG 29 có thể thay đổi hết mức được.
8. Máy bay này có tốc độ gấp ba tốc độ âm thanh.
9. Các công trình sư Liên Xô cố gắng đẩy mạnh chương trình chế tạo máy bay.
10. Các ưu thế đó đã giúp máy bay lập nhiều chiến công hiển hách.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. Vietnam and China frequently condemn each other for the violation of sovereignty in the two archipelagos: Paracel and Spratly.
2. The Paracels are about 350 km east of the city of Đà Nẵng, and the Spratlys are about 600 km southeast of Hồ Chí Minh City.
3. China occupied the Paracel Islands because this archipelago had previously belonged to China. However, no one has lived on this archipelago since 1900.
4. The Vietnamese used the Paracels as a place to repair boats, or to collect fertilizer to take back to sell to the farmers.
5. While the U.S was still in Vietnam, this archipelago was used as a target for practice firing or to test the range of missiles.
6. After 1975, Vietnam became closer friends with the Soviet Union and more distant (in relations) toward China. This happened because Vietnam received more from the Soviet Union than China, from equipment to technicians.
7. The Soviet Union also agreed with Vietnam's activities in occupying Cambodia, reasoning that Vietnam would stop China's influence in this area.
8. Upon seeing Vietnam's violation of Cambodia's territorial sovereignty, China used military measures to warn Vietnam.
9. China attacked several provinces in northern Vietnam and brought in troops to occupy the Paracel Islands.
10. At the present time, the matter of who has sovereignty in these two archipelagos has still not been resolved.

PART III.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

B.

1. Nước nào cũng muốn bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền tài nguyên thiên nhiên của mình.
2. Đối với một nước nhỏ như Việt Nam với một bờ biển dài hơn 3000 ki-lô-mét, thì công tác bảo vệ lãnh hải lại càng được chú trọng.
3. Chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thường cho phép các nhân viên khoa học vào lãnh hải Việt Nam để nghiên cứu hay điều tra cơ bản về tài nguyên và thêm lục địa.
4. Nhưng nếu các nhân viên trên dùng dịp này để vào các vùng quân sự với ý định làm gián điệp thì chắc là không được.
5. Vì vậy bộ Ngoại giao rất quan tâm đến việc cho phép các nhân viên khoa học ngoại quốc vào lãnh thổ hay lãnh hải của mình.
6. Hải quân Việt Nam không đủ lính để kiểm tra các hoạt động điều tra hay nghiên cứu của nhân viên khoa học.
7. Năm 1976, có một toán nhân viên khoa học Trung quốc xin vào lãnh hải Việt Nam để nghiên cứu thêm lục địa và bắt cá để nghiên cứu.
8. Cuối năm đó, Trung quốc tuyên bố quần đảo Hoàng Sa thuộc Trung Quốc. Tháng hai 1977, Trung quốc đem 3 đơn vị lính ra xâm chiếm quần đảo.
9. Chính phủ và nhân dân ta nghiêm khắc lên án hành động trái phép nói trên và một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.
10. Biết rõ hành động bất hợp pháp của mình, các đơn vị lính Trung quốc rút lui. Hiện nay quần đảo Hoàng Sa ở dưới quyền nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
11. Tuy vậy Bộ Ngoại giao Việt Nam chỉ muốn rằng bất kỳ nước ngoại nào muốn vào điều tra hay nghiên cứu thì phải có sự thỏa thuận của chính phủ trước.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog

Lượng và Hồng

- Lượng: Sáng nay người phát ngôn bộ ngoại giao tuyên bố gì anh?
- Hồng: Người ấy đưa tin về cuộc điều tra tổng hợp quần đảo Hoang Sa.
- Lượng: Cuộc điều tra do nước nào tiến hành?
- Hồng: Trung Quốc. Họ trắng trợn tuyên bố quần đảo này là của họ.
- Lượng: Không được, chính phủ Việt Nam phải nghiêm khắc lên án hành động trái phép ấy.
- Hồng: Bộ Ngoại giao nước Việt Nam đã lên án rồi và Trung quốc trả lời đây chỉ là cuộc điều tra vòng đầu thôi.
- Lượng: Vậy bao giờ mới có thêm tin tức về vụ này?
- Hồng: Chắc vài tháng nữa.

Questions

1. Lượng và Hồng nói với nhau về vấn đề gì?
2. Cuộc điều tra xảy ra ở đâu?
3. Nước nào tiến hành cuộc điều tra?
4. Trung quốc trắng trợn tuyên bố điều gì?
5. Lượng đề nghị Việt Nam nên trả lời Trung quốc như thế nào?
6. Trung quốc trả lời ra sao?
7. Nếu sự lên án của Việt Nam có kết quả thì bao lâu nữa mới biết?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Lượng và Hồng

Lượng: What did the spokesperson for the Ministry of Foreign Affairs announce this morning?

Hồng: (He) passed on some information about the combined investigation of the Paracel Islands.

Lượng: Which country conducted the investigation?

Hồng: China. They brazenly announced that the archipelago belonged to them.

Lượng: They can't do that! The Vietnamese government must sternly condemn that illegal act.

Hồng: The Ministry of Foreign Affairs has done so already, and China answered that this was only a first-phase investigation.

Lượng: Well then, when will we have more information about this case?

Hồng: Probably in a few more months.

PART V. LESSON CRITERION-REFERENCED TEST
A. (1)

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Chính phủ Việt Nam ngghiêm khắc.
2. lên án các hành động
3. bất hợp pháp của hai nhân viên người Trung quốc.
4. Hai nhân viên này đã tráng trợn
5. xâm phạm chủ quyền Việt Nam.
6. Họ điều tra mà không có sự thỏa thuận của chính phủ.
7. Tiếp theo vụ nói trên
8. Người phát ngôn của chính phủ
9. tuyên bố từ bây giờ đến cuối tuần,
10. "tất cả các hoạt động ngghiên cứu
11. hay điều tra khoa học
12. của bất kỳ nhân viên nước ngoài nào
13. trong lãnh thổ Việt Nam đều
14. phải kết thúc ngay".
15. Bộ Ngoại giao cũng ra lệnh
16. mở cuộc điều tra vòng đầu
17. về các hoạt động dọc bờ biên Việt Nam.
18. Việt Nam khẳng định chủ quyền của mình
19. và kiên quyết bảo vệ lãnh hải Việt Nam.
20. Không nước nào có quyền xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của một nước khác.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên là vấn đề chính.
2. Tiếp theo việc điều tra ở lãnh hải là việc điều tra ở vùng đặc quyền kinh tế.
3. Các nước ngoài đã biết rõ lập trường và kiến quyết của chính phủ và nhân dân ta.
4. Chúng ta sẽ nghiêm khắc lên án các hành động xâm phạm lãnh thổ và lãnh hải của ta.
5. Chúng ta sẽ dùng phương tiện ngoại giao để giải quyết việc làm nói trên của phía Trung quốc.
6. Còn các vụ xâm phạm nhỏ, người phát ngôn Bộ Ngoại giao ta đang nghiên cứu cách giải quyết.
7. Một lần nữa, chúng ta phải khẳng định chủ quyền của nước ta đối với quần đảo Hoàng Sa.
8. Bất kỳ nước nào muốn cho nhân viên vào lãnh hải của ta nghiên cứu khoa học cũng phải được chính phủ ta thỏa thuận trước.
9. Nếu không có sự thỏa thuận của Bộ Ngoại giao ta thì hoạt động của họ là bất hợp pháp.
10. Ta sẽ lên án hành động trái phép đó và bắt họ rời khỏi lãnh thổ của ta ngay.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Lãnh hải thường được tính từ bờ ra, ví dụ nước Mỹ tuyên bố lãnh hải của mình là 5 Ki-lô-mét. Trong khi đó các nước nhỏ nói rằng lãnh hải của họ là 300 Ki-lô-mét. Lý do là họ không muốn các nước khác vào bất cứ ở trong lãnh hải của họ.

Nhưng cũng có nước dùng thêm lục địa để tính lãnh hải của mình. Vì vậy những vụ xâm phạm lãnh hải thường xảy ra luôn vì không ai biết lãnh hải là 5 hay 300 Ki-lô-mét cả.

Questions

1. Tính từ bờ biển ra thì lãnh hải của Mỹ là mấy Ki-lô-mét?
2. Các nước nhỏ thường nói rằng lãnh hải của họ tính từ bờ ra là bao nhiêu?
3. Tại sao các nước nhỏ muốn lãnh hải của họ rộng?
4. Có nước dùng gì để tính lãnh hải của mình?
5. Tại sao thường xảy ra những vụ xâm phạm lãnh hải?

Answers

1. Five kilometers
2. 300 kilometers
3. to fish in their territorial waters
4. the continental shelf
5. No one knows whether the territorial waters of a given country are five or 300 kilometers.

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Ngày 9 tháng 1 có một cuộc điều tra tổng hợp.
2. Kết quả cuộc điều tra này đã được phát ngôn nhân chính phủ tuyên bố.
3. Chính phủ ta lên án các hành động trái phép của Trung Quốc.
4. Họ đã xâm phạm trắng trợn chủ quyền lãnh thổ của ta.
5. Tuy chúng ta đã nhiều lần yêu cầu họ rút khỏi khu vực đặc quyền kinh tế.
6. Nhưng họ vẫn tiếp tục hoạt động một cách bất hợp pháp.
7. Họ dám nói là họ vào khu vực này để nghiên cứu khoa học.
8. Vì vậy nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra lệnh như sau:
9. Trong 24 giờ tất cả các nhân viên ngoại giao Trung quốc phải rời khỏi Việt Nam.
10. Cũng trong thời gian này, các nhân viên ngoại giao và kỹ thuật Việt Nam ở Trung Quốc sẽ về Việt Nam.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. Defending territorial sovereignty and natural resources is the main issue.
2. Following the investigation of the territorial waters was the investigation of economic prerogative.
3. Foreign countries have recognized the stand and the determination of our people.
4. We will sternly condemn acts of violation of our territory and territorial waters.
5. We will use diplomatic means to resolve the above-mentioned action of the Chinese.
6. As for the minor violations, our Ministry of Foreign Affairs' spokesman is studying ways to settle them.
7. Once again, we must affirm our country's sovereignty regarding the Paracel Islands.
8. Any country (without exception) that wants to send personnel into our territorial waters to do scientific research must first have the consent of our government.
9. If they don't have the consent of our Foreign Ministry, then their activities are illegal.
10. We will condemn that illegal action and force them to immediately leave our territory.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. In 1975, many Vietnamese left Vietnam and fled to the United States. Ninety percent of these people were all highly educated: engineers, doctors, technicians, and students.
2. After two years of living under the socialist system, those living near the coast began fleeing the country by sea.
3. By the end of 1977, the number of people using the sea (to escape) was increasing daily; many were robbed and killed by Thai pirates.
4. If they didn't die, when they reached the shores of Thailand, Hong Kong, or Indonesia the Vietnamese evacuees would be chased away. They had to go and live temporarily in the small archipelagos and hope that the U.S. Navy would pick them up and take them to the U.S.
5. Short of food and medicine, many evacuees die from hunger and serious illness. But these obstacles don't frighten the Vietnamese. Tens of thousands still look for ways to flee the country.
6. The refugee camps in Thailand, Hong Kong, and Indonesia are very crowded. The governments of these countries have requested that France, China, England, and Japan provide aid and cooperate in setting up a program to assist the refugees and, especially, to allow the refugees to move to their countries.
7. The office of the UN High Commissioner for Refugees has warned the SRVN that it must solve the refugee problem right away.
8. Confronted with a raft of protests, various agencies in Vietnam have promised to stop people from leaving illegally. At the same time, the Section Chief of the Vietnamese Foreign Mission will issue the proper paperwork to those Vietnamese who have relatives living abroad so that they may go join their families.
9. On December 9, the U.S. and Vietnam agreed on a program to allow more than 1500 Vietnamese to emigrate to the U.S.
10. These people would fly from Hồ Chí Minh City to Bangkok. The refugees would live there for about a week and then go straight to the U.S.

PART III

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

B.

1. Khi người Việt bắt đầu trốn ra nước ngoài bằng đường biển, chính phủ chẳng những không ngăn chặn mà còn cho phép họ đi nữa.
2. Theo báo chí thì nguyên nhân của sự trốn ra nước ngoài là: 1) dân Việt Nam không chịu chấp nhận chế độ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa 2) dân Trung quốc ở Việt Nam bị xua đuổi khỏi Việt Nam.
3. Nước Mỹ yêu cầu Liên hợp quốc mở hội nghị để thảo luận và để biết rõ lập trường của chính phủ Việt Nam về vấn đề này. Đồng thời Mỹ ra lệnh cho hải quân đến gần lãnh hải Việt Nam để giúp người tị nạn.
4. Năm 1978, các đại biện Việt Nam, Mỹ, Pháp, Anh, Thái và nhân viên của Liên hợp quốc họp ở Giơ-ne-ơ. Người nào cũng yêu cầu chính phủ Việt Nam hợp tác ngăn chặn các hoạt động dùng đường biển để trốn ra khỏi Việt Nam.
5. Đại biện và Vụ trưởng vụ công tác người Việt ở nước ngoài vạch rõ rằng sự trốn ra nước ngoài là do âm mưu của chế độ thực dân Mỹ và của chế độ phản động Bắc kinh đối với Việt Nam.
6. Người phát ngôn của cơ quan Cao ủy Liên hợp quốc trả lời rằng "Đây không phải là vấn đề xuyên tạc sự thật. Hội nghị chỉ muốn có sự hợp tác của chính phủ Việt Nam thôi."
7. Tuy vậy đồng chí Vũ Hoàng cứ nói là lập trường của chính phủ Việt Nam vẫn trước sau như một, Việt Nam luôn luôn quan tâm đến việc bảo đảm an toàn cho các người ra đi một cách hợp pháp.
8. Đại biện Anh cho rằng Việt Nam chưa thực hiện nghiêm chỉnh được lời cam kết ở hội nghị Giơ-ne-ơ năm 1977. Vì chiến tranh vừa hết, các cơ quan có trách nhiệm về (responsible for) vấn đề này đều không có đủ nhân viên làm việc v.v...
9. Đại biện Thái Lan phản đối khi đồng chí Vụ trưởng nói, bọn cướp biển xuất phát từ đất Thái Lan đã cướp bóc và giết người Việt ở vịnh Thái Lan.

tiếp theo...

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

10. Đồng chí vụ trưởng cũng nói là các vụ cướp bóc và giết người, nay là do âm mưu của Bắc kinh câu kết với Thái Lan.
11. Cuối cùng nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cam kết trước hội nghị là sẽ
 - 1) ngăn chặn các cuộc trốn ra nước ngoài của người Việt
 - 2) không xua đuổi người Trung Quốc ra khỏi Việt Nam
 - 3) hợp tác với cơ quan Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn để cho phép những người xin di tản được phép ra đi một cách an toàn.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Hùng và Lộc

Hùng: Tôi mời anh đến để nói về các vụ cướp biên và số người trốn ra nước ngoài.

Lộc: Chắc bọn Thái lại xuyên tạc sự thực rồi chứ gì?

Hùng: Đúng vậy chúng nó nói là chính người Việt đã tổ chức các vụ cướp biên đó rồi giết những người di tản.

Lộc: Phải phản đối mạnh mẽ ngay mới được.

Hùng: Tôi vạch rõ là chính báo chí Thái đã thú nhận về các vụ cướp bóc, giết người do bọn cướp biên Thái gây ra.

Lộc: Vậy họ trả lời sao?

Hùng: Đại biện Thái cam kết sẽ giải quyết vấn đề này ngay.

Questions

1. Hùng nói chuyện gì với Lộc?
2. Lộc nói gì về người Thái?
3. Người Thái nói gì về người Việt?
4. Lộc đề nghị chính phủ Việt phải có hành động gì đối với việc này?
5. Báo chí Thái thú nhận điều gì?
6. Đại biện Thái trả lời sẽ làm gì ngay?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Hùng and Lộc

Hùng: I am inviting you to come to talk about (the) piracies and the number of people fleeing the countries.

Lộc: The Thais have probably distorted the truth again, right?

Hùng: That's right. They say that it is the Vietnamese themselves who have organized these piracies and have killed the evacuees after robbing them.

Lộc: We must make a strong protest immediately!

Hùng: I pointed out that it was, in fact, the Thai press which confessed to the robberies and murders.

Lộc: Well, how did they answer?

Hùng: The Thai Chargé d'Affaires pledged to resolve the matter immediately.

PART V. LESSON CRITERION-REFERENCED TEST
A. (1)

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Vấn đề này liên quan đến tôi.
2. Người tị nạn Việt Nam.
3. Sau năm 1975 có nhiều người trốn ra khỏi Việt Nam.
4. Bọn cướp biển ở gần bờ biển.
5. Chúng nó cướp bóc và giết người tị nạn.
6. Báo chí phản đối các vụ giết người.
7. Ai bị xua đuổi?
8. Không ai biết nguyên nhân vụ đó.
9. Âm mưu ấy của nước nào?
10. Việt Nam cho Bắc kinh là phản động.
11. Đại diện Trung quốc tại Hà nội.
12. Bọn cướp biển xuất phát từ đâu?
13. Từ đất Thái Lan.
14. Ngay trong vịnh Thái Lan.
15. Đồng chí nào phụ trách việc ấy?
16. Thái Lan sẽ hợp tác với Trung quốc.
17. Cơ quan Cao ủy liên hợp quốc.
18. Họ đang tìm cách ngăn chặn nạn cướp biển.
19. Chính phủ bảo đảm an toàn cho người di tản.
20. Đề nghị ấy đã được mọi người ở hội nghị tán thành.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Đây là sự thật về vấn đề cướp biển ở Vịnh Thái Lan.
2. Đồng chí Vũ Hoàng phản đối hành động của Bộ Ngoại giao Thái Lan.
3. Vì bộ này đã xuyên tạc sự thật về vấn đề cướp biển.
4. Thái Lan cho rằng Việt Nam xua đuổi người đi, và không thực hiện lời cam kết ở hội nghị Giơ-ne-vơ.
5. Đồng chí Vũ Hoàng vạch rõ bọn cướp biển là người Thái Lan.
6. Ngoài ra, chính báo chí Thái Lan cũng thú nhận là bọn cướp biển Thái Lan đã cướp bóc và giết người đi tẩu.
7. Việt Nam cam kết sẽ ngăn chặn người ra đi không hợp pháp.
8. Việt Nam cũng tuyên bố sẽ hợp tác với Liên hợp quốc để giải quyết vấn đề người tị nạn.
9. Bộ Ngoại giao Việt Nam yêu cầu chính phủ Mỹ ra lệnh cho hải quân Mỹ ra khỏi lãnh hải Việt Nam.
10. Ngay sau đó nhân viên chính phủ của hai nước, Mỹ và Việt Nam, sẽ họp tại Giơ-ne-vơ để tiếp tục cuộc thảo luận.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Báo chí Việt Nam phản đối lời tuyên bố xuyên tạc sự thật của một nhân viên Liên hợp quốc. Nhân viên này nói chính bọn cướp biển Việt Nam cướp bóc và giết người tị nạn Việt Nam ở Vịnh Thái Lan.

Đại biện Việt Nam ở Thái Lan cũng phản đối về việc này và vạch rõ bọn cướp biển nói trên đã xuất phát từ đất Thái Lan. Đại biện Việt Nam yêu cầu Liên hợp quốc mở cuộc điều tra về vụ này ngay.

Questions

1. Báo chí Việt Nam phản đối lời tuyên bố của ai?
2. Người này đã tuyên bố gì?
3. Người tị nạn bị cướp bóc ở đâu?
4. Theo đại biện Việt Nam thì bọn cướp biển xuất phát từ đâu?
5. Đại biện Việt Nam yêu cầu Liên hợp quốc làm gì?

Answers

1. a United Nations employee
2. Vietnamese pirates rob and kill Vietnamese.
3. They were robbed in the Gulf of Thailand.
4. They came from Thai territory.
5. to conduct an investigation right away

PART V.
B.

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Ngày 16 tháng 12 năm ngoái động chí Vũ Hoàng phản đối lời tuyên bố của đại biện Thái Lan.
2. Theo ông đại biện thì chính phủ Việt Nam không thực hiện nghiêm chỉnh các lời cam kết về vấn đề người tị nạn.
3. Bộ Ngoại giao Việt Nam không quan tâm đến các người được phép ra đi nước ngoài.
4. Trong khi đó nhân viên chính phủ xưa đuổi người Trung quốc đi khỏi Việt Nam. Những người này phải chạy sang đất Thái.
5. Đề giải quyết vấn đề nói trên ông đại biện Thái Lan đề nghị Liên hợp quốc mở cuộc điều tra.
6. Người phát ngôn của Liên hợp quốc trả lời nếu không có sự hợp tác của Việt Nam thì cơ quan Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn sẽ gặp nhiều trở ngại.
7. Có biết rõ tình thế ở Việt Nam trước đây mới hiểu được nguyên nhân của sự xưa đuổi người Trung quốc ở Việt Nam.
8. Khi có chiến tranh ở Việt Nam, người Trung quốc không chịu đi làm nghĩa vụ.
9. Họ cấu kết với nhau để tăng giá lương thực, thực phẩm và các vật liệu khác.
10. Vì vậy khi chiến tranh xâm lược kết thúc, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam áp dụng một chính sách mới đối với người Trung quốc ở Việt Nam.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. This is the truth about the piracy problem in the Gulf of Thailand.
2. Comrade Vu Hoang protested the Thai Foreign Ministry's action.
3. This ministry distorted the truth about the piracy issue/problem.
4. Thailand stated that Vietnam expelled people and that she has not carried out her pledge (made) at the Geneva Conference.
5. Comrade Vũ Hoàng pointed out that the pirates were Thais.
6. In addition, the Thai press itself has confessed that the Thai pirates have robbed and murdered the evacuees.
7. Vietnam has promised to stop people from leaving illegally.
8. Vietnam also announced that she will cooperate with the U.N. in order to solve the problem of the evacuees.
9. Vietnam's Foreign Affairs Ministry has requested that the U.S. order its Navy out of Vietnamese territorial waters.
10. Immediately after that, government officials of the two countries, the U.S. and Vietnam, will meet at Geneva to continue the discussion.

PART III.

TRANSLATION

A.

(Vietnamese-English)

1. In 1976-77, China blatantly brought an armed force into Vietnamese territorial waters to occupy the Paracel Islands. Our government strongly protested this violation and requested that the U.N. resolve this issue.
2. Vietnamese authorities also pointed out the Chinese plot of using Cambodian lackey forces to harass the provinces near the Vietnam-Cambodia border.
3. In the meantime, the Peking reactionaries repeatedly conducted many military training attack exercises in the areas bordering on Vietnam. These "exercises" continued to cause the constantly tense situation in the border region to become more tense.
4. The Soviet Union and the friendly nations have warned China about these threatening actions and war preparations against Vietnam. They also demanded the Chinese military forces withdraw from the Paracel Islands.
5. At the end of 1977, the armed force withdrew from Vietnamese territorial waters. The joint air force and navy military training exercises were also stopped.
6. But also during this period, China increased its aid of war materials to Cambodia and sent technical specialists to that country. These acts of provocation once again affirmed the plot to violate the territorial integrity of the southern region of our country.
7. In 1978, Cambodian soldiers attacked and shelled deep inside Vietnamese territory, killing ordinary citizens. Our government strongly protested (the incident) and warned that the Cambodian government must bear full responsibility for all the consequences.
8. But, armed forces continued to (carry out) raids and disrupt the normal working activities of our people in the provinces of Tây Ninh, Sông Bé, etc.
9. Determined to protect our sacred fatherland and to mete out punishment for their criminal acts, the government ordered the border guards to annihilate the enemy.
10. When our troops arrived at a location, the enemy would withdraw from that location. The Cambodian people were very happy when they knew we were coming.

PART III.

TRANSLATION

B.

(English-Vietnamese)

1. Chúng ta cảnh cáo nhà cầm quyền phản động Hà nội nhiều lần về những hành động khiêu khích vũ trang và quấy rối ở vùng biên giới Trung-Việt. Những hành động này là các vụ bắn phá sâu trong lãnh thổ Trung quốc và ngăn chặn các công tác nghiên cứu của các nhà khoa học tại quần đảo Hoang Sa.
2. Bọn chúng cho lực lượng vũ trang quấy rối vùng biên giới Trung-Việt để ta không chú ý đến các cuộc diễn tập tiến công quân sự hợp đồng không quân và hải quân tại vùng giáp biên giới Cam-pu-chia-Việt Nam.
3. Chính phủ và nhân dân Cam-pu-chia đã liên tiếp lên án các cuộc diễn tập này và đã yêu cầu chúng ta giúp đỡ họ bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ của họ, nếu cần.
4. Ngày 6 tháng 7, ông Đại biện của ta tại Pnomh Penh khẳng định quan điểm của chính phủ Bắc kinh là "sẽ trừng trị đích đáng những hành động xâm lược của bất kỳ nước nào vi phạm chủ quyền lãnh thổ của nước Cam-pu-chia."
5. Người phát ngôn của ta cũng tuyên bố điều trên với các báo chí Việt Nam tại Hà nội.
6. Bất ngờ ngày 9 tháng 11, ba đại đội lính Việt Nam vượt qua biên giới Trung-Việt cướp bóc và giết hại đồng bào ở các tỉnh biên giới phía Nam. Khi bọn lính Việt thấy quân ta đến bảo vệ thì chúng chạy về Móng Cày.
7. Chính phủ ta nghiêm khắc cảnh cáo bọn thực dân mới Hà-nội về việc xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của nước Cộng hòa nhân dân Trung quốc. Vụ vượt qua biên giới để cướp bóc và giết hại dân thường là một hành động chiến tranh. Nếu nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Trung quốc một lần nữa thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi hậu quả.
8. Đến cuối năm 1978, bọn thực dân mới bắt đầu tiên hành chính sách xâm lược mà chúng đã chuẩn bị từ lâu. Chúng cho hai sư đoàn vượt qua biên giới Cam-pu-chia và dùng chiến lược vây tiêu giết hại dân và quần Cam-pu-chia.

tiếp theo....

TRANSLATION
(English-Vietnamese)
(tiếp theo)

9. Suốt ngày đêm, quân của hai sư đoàn này dùng đủ các loại súng để bắn hủy các cơ sở kinh tế, quân sự trên đường vào thành phố Pnông Pênh.
10. Sau khi chiếm thành phố này, chúng cho bọn tay sai Cam-pu-chia lập chính phủ mới.
11. Chính phủ ta lên án chính sách xâm lược của bọn thực dân mới Hà nội và chấm dứt tất cả các viện trợ quân sự và kinh tế cung ngoại giao với Việt Nam
12. Chúng ta cũng không quên yêu cầu Liên Xô dùng ảnh hưởng của họ để bắt Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Cam-pu-chia.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog

Lâm và Lộc

- Lâm: Đồng chí Lộc, tình hình vùng biên giới ra sao?
- Lộc: Đêm qua có một lực lượng vũ trang tập kích Lai châu.
- Lâm: Lực lượng đó có lớn không?
- Lộc: Độ một đại đội, nhưng đến 5 giờ sáng thì chúng rút lui.
- Lâm: Hiện nay chúng ta có bao nhiêu đại đội đóng ở biên giới?
- Lộc: Hai khu quân sự số 1911 và 1500 có tám đại đội.
- Lâm: Hai khu này thuộc tỉnh Hà Nguyên phải không?
- Lộc: Vâng
- Lâm: Tôi sẽ lệnh cho đồng chí Hải đưa thêm 2 đại đội đến khu 1500 chiều nay.

Questions

1. Đồng chí Lâm hỏi đồng chí Lộc về gì?
2. Cuộc tập kích này xảy ra bao giờ?
3. Tỉnh nào bị tập kích?
4. Quân đến tập kích rút lui bao giờ?
5. Theo Lâm thì bây giờ ta có bao nhiêu đại đội đóng ở biên giới?
6. Các đại đội này ở khu quân sự nào?
7. Các khu này thuộc tỉnh nào?
8. Đồng chí Hải sẽ đưa 2 đại đội nữa đến khu quân sự.

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Lâm and Lộc

Lâm: Comrade Lộc, how is the situation in the border region?

Lộc: Last night an armed force raided Lai Châu.

Lâm: Was the force large?

Lộc: Approximately (the size of) one company, but they withdrew at 5:00 A.M.

Lâm: How many companies do we have at the border at the present time?

Lộc: The two military sectors numbered 1911 and 1500 have eight companies.

Lâm: These two sectors belong to Hà Tuyên province, don't they?

Lộc: Yes.

Lâm: I will order comrade Hải to take two more companies to sector 1500 this afternoon.

PART V. LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

A. (1)

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Họ đã châm dứt cuộc thảo luận.
2. Các hành động khiêu khích vũ trang.
3. Tình hình biên giới hiện nay.
4. Tình hình căng thẳng.
5. Chiến sĩ biên phòng đóng ở biên giới.
6. Chuẩn bị chiến tranh.
7. Đề kịp thời bảo vệ lãnh thổ.
8. Chúng ta tập kích tỉnh Móng Cáy.
9. Chúng ta giết hại dân thường.
10. Nhà cầm quyền của ta.
11. Hành động tội ác của địch.
12. Quân ta trùng trị bọn lính địch.
13. Chúng ta sẽ không để chúng quấy rối.
14. Chúng ta phá hoại nhà cửa.
15. Cuộc diễn tập tiên công quân sự, của địch.
16. Tại các khu vực giáp với Trung Quốc.
17. Chúng ta sẽ bố trí phục kích địch.
18. Hậu quả thế nào?
19. Chúng nó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
20. Nước nào đã gây ra chiến tranh?

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Trung Quốc liên tiếp quấy rối vùng biên giới của ta.
2. Một tuần gần đây hàng chục lính Trung Quốc đã vượt biên giới phía Bắc Việt Nam.
3. Chúng bắn phá sâu trong lãnh thổ Việt Nam.
4. Chúng giết hại dân thường và phá hoại việc làm ăn bình thường của nhân dân ta.
5. Ngày 26 tháng 4, chúng tập kích hai tỉnh Móng Cáy và Lạng Sơn.
6. Hai ngày sau, Trung Quốc tiến hành nhiều cuộc diễn tập tiến công quân sự gần biên giới Việt-Trung.
7. Hoạt động này làm tình hình biên giới càng thêm căng thẳng.
8. Hành động đe dọa và khiêu khích vũ trang này cần phải chấm dứt ngay.
9. Nếu không, nhà cầm quyền Trung Quốc phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả.
10. Chúng ta sẽ trừng trị đích đáng những tội ác dã man của lính Trung Quốc.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Ngày 6 tháng 3 hàng chục lính Trung Quốc vượt biên giới Việt-Trung. Chúng tập kích và giết hại dân thường ở tỉnh Móng Cáy. Cũng thời gian này, một lực lượng vũ trang và chiến sĩ biên phòng tập kích sâu trong lãnh thổ Trung Quốc để trả thù cho các đồng bào bị giết. Chúng ta cũng chiếm ba tỉnh biên giới phía Nam của họ.

Questions

1. Có bao nhiêu lính Trung Quốc vượt biên giới?
2. Họ vượt biên giới bao giờ?
3. Họ tập kích tỉnh nào?
4. Cũng trong thời gian này chúng ta có hành động gì đối với Trung Quốc.
5. Sau khi tiến công chiến sĩ biên phòng làm gì?

Answers

1. dozens
2. March 6th
3. Móng Cáy
4. raided deep inside Chinese territory
5. occupied three of their southern provinces

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Những ngày gần đây có rất nhiều vụ quây rối xảy ra ở biên giới Việt Trung.
2. 16 giờ 30, ngày 6 tháng 3, một lực lượng vũ trang lớn vượt biên giới tập kích hai tỉnh ở khu vực I và III.
3. Cuộc tập kích và bắn phá sâu trong lãnh thổ này là một hành động khiêu khích vũ trang.
4. Chính phủ tạ cảnh cáo và yêu cầu nhà cầm quyền Trung Quốc chấm dứt ngay hành động này.
5. Ngoài ra, người phát ngôn viên của bộ ngoại giao của ta cũng tuyên bố như sau:
6. Nếu các đồng bào các dân tộc các tỉnh biên giới phía bắc vượt biên giới trả thù thì Việt Nam sẽ không chịu trách nhiệm.
7. Ngày 9 tháng 3, Trung Quốc tiến hành dồn dập các cuộc diễn tập tiến công quân sự hợp đồng không quân và hải quân ở vịnh Bắc Việt.
8. Cùng thời gian này, các lực lượng vũ trang liên tiếp tập kích tất cả các tỉnh ở khu biên giới.
9. Để kịp thời trừng trị đích đáng những hành động tội ác của quân Trung Quốc.
10. Các chiến sĩ biên phòng vượt biên giới bắn phá sâu trong lãnh thổ Trung Quốc và chiếm 6 tỉnh của chúng.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. China continually harasses/harassed our border area.
2. For the past few weeks, tens (dozens) of Chinese soldiers have crossed the northern border of Vietnam.
3. They shelled deep inside Vietnamese territory.
4. They murdered ordinary citizens and disrupted the normal daily life/routine of our people.
5. On April 26, they raided the two provinces of Mong Cay and Lang Son.
6. Two days later, China conducted numerous "military training attack-exercises" near the Sino-Vietnamese border.
7. This activity has caused the situation on the border to become more and more tense.
8. This act of threat and armed provocation must end immediately.
9. If not, the Chinese authorities must bear all the consequences.
10. We will mete out appropriate punishment for the barbarous crimes of the Chinese troops.

PART III.

TRANSLATION

A. (Vietnamese-English)

1. Forty years ago, China publicly announced that the Western colonialist nations occupied Chinese territory and the small countries in SEA which were the satellites of the great country of China.
2. Recently, they themselves again said, "We must be determined to occupy Southeast Asia--Vietnam, Thailand, Laos, Cambodia, Malaysia, Singapore Indonesia, etc.,--an area that has many natural resources and is very advantageous for the development of China's economy.
3. According to the Peking expansionists' viewpoint, the Indochinese Peninsula occupies an important strategic position and was formerly under Chinese control. If China could annex this peninsula, then the annexation of all of Southeast Asia would not be difficult.
4. Presently more than 20 million Chinese residents live on the Indochinese peninsula. This number constitutes a significant political force, because those Chinese residents were ready to spy for China before as well as during the war.
5. The United States' policy to invade Indochina has been defeated. Vietnam, Laos and Cambodia have become three free and independent nations.
6. The Peking bunch has blatantly announced that, had China not helped militarily and economically, the great victory of the Indochinese peoples would have never existed.
7. Upon seeing that the Socialist Republic of Vietnam refused to be a lackey for China and was becoming a big obstacle to their hegemonic plot, the Peking authorities initiated a strategy to encircle Vietnam.
8. They are continually carrying out two wars of invasion of Vietnam: the war of invasion on the southwestern border, and a large-scale war of invasion in the northern region of Vietnam.
9. Our government and people will cooperate with friendly nations to resolve all political, as well as economic, disagreements.
10. If (our) national sovereignty is violated, our people will, as before, stand up and drive the aggressors from our territory.

PART III.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

B.

1. Từ ngày nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phản đối việc Trung Quốc xâm phạm chủ quyền lãnh hải Việt Nam, và khẳng định lập trường tự do của một quốc gia, bọn phản động Bắc Kinh triển khai chiến lược vây ép Việt Nam.
2. Ngày đêm chúng đe dọa bằng quân sự, gây rối chính trị làm suy yếu kinh tế của ta. Lý do chính của các hành động này là ta không chịu để "Anh cả" chi phối chúng ta.
3. Dân tộc ta không quên sự giúp đỡ của nhân dân Trung quốc trong công tác chống Mỹ-Thiệu. Nhưng nhân dân ta cũng không quên việc lính Trung quốc liên tiếp vượt biên giới để xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của ta.
4. Tính từ năm 78 đến nay, bọn phản động Bắc Kinh đã cho lính chính quy vượt biên giới tập kích các tỉnh biên giới miền bắc và bắn phá sâu trong lãnh thổ gần 300 vụ.
5. Chính phủ ta đã cảnh cáo nghiêm khắc về các vụ giết người, bắn phá trong lãnh thổ, xâm phạm chủ quyền lãnh hải v.v. Nhưng bọn ban trưởng Bắc Kinh quyết tâm thực hiện chính sách xâm lược thôn tính bán đảo Đông Dương.
6. Để chia rẽ ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, tập đoàn Bắc kinh dựng lên câu chuyện hoang đường "liên bang Đông Dương" cho rằng Việt Nam có mưu đồ bá quyền bán đảo này.
7. Bị Trung Quốc chi phối, bọn tay sai Cam-pu-chia dưới sự chỉ đạo của tên giết người Pôn-Pốt, tập kích các vùng Tây Ninh, Bình Long. Nhạ cầm quyền của ta dùng phương tiện ngoại giao cảnh cáo Pôn Pốt về hành động quấy rối biên giới tây nam của Việt Nam.
8. Sau nhiều tháng sử dụng phương tiện ngoại giao, các vụ quấy rối biên giới miền Bắc và miền Tây Nam vận tăng, chính phủ ta ra lệnh cho các chiến sĩ biên phòng vượt biên giới tiến công các khu vực quân sự của Trung quốc. Tại miền Tây nam, quân đội chính quy Việt Nam vượt biên giới tiến công các khu tập hợp của quân Pôn-Pốt.

tiếp theo.....

TRANSLATION
(English-Vietnamese)
'continued'

9. Thắng lợi vĩ đại của Việt Nam làm cho Trung Quốc và bọn tay sai phải bỏ chính sách thôn tính bán đảo Đông Dương.
10. Có được sự thắng lợi này là nhờ Liên-Xô và các nước bạn viện trợ quân sự và kinh tế cho ta; nhưng hai yếu tố quan trọng nhất là sự hợp tác của quân và dân ta và sự lãnh đạo giỏi của các nhân viên trong chính phủ.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog

Trọng và Long

Trọng: Đêm qua hơn 1 nghìn lính Trung quốc chính quy vượt biên giới tiên công ta.

Long: Họ tiên công những tỉnh nào?

Trọng: Đông Văn (Hà Tuyên) và Bảo Lạc (Cao Lạng).

Long: Vậy, chiến sĩ biên phòng của ta đâu?

Trọng: Họ tạm rút lui về Hà Giang và Cao Bằng.

Long: Anh muốn tôi đưa quân chính quy lên để phòng thủ hai tỉnh trên không?

Trọng: Không cần ngay, nhưng nếu hai tỉnh trên bị uy hiếp thì tôi sẽ báo cho anh biết.

Long: Được, tôi sẽ chuẩn bị sẵn sàng hai đại đội của tôi.

Questions

1. Lính Trung Quốc vượt biên bao giờ?
2. Họ tiên công các tỉnh nào?
3. Ai phòng thủ hai tỉnh này?
4. Hiện nay những người lính này ở đâu?
5. Bao giờ Trọng sẽ đưa quân lên hai tỉnh trên?
6. Đơn vị của Trọng có lớn không? Gồm có bao nhiêu người?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Trọng and Long

Trọng: Last night, more than a thousand Chinese regular troops crossed the border and attacked us.

Long: Which cities did they attack?

Trọng: Dong Van (Hà Tuyên) and Bao Lac (Gao Lạng)

Long: Well, where were our border guards?

Trọng: They temporarily withdrew to Ha Giang and Cao Bang.

Long: Do you want me to take some regular troops up there to defend those two cities?

Trọng: There's no need to right away, but if those two cities are threatened, I will report that to you.

Long: OK. I will make preparations to have my two companies ready.

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Nước Pháp là một nước ở Âu Châu.
2. Bán đảo Đông Dương gồm có ba nước.
3. Bắc Kinh thực hiện chủ nghĩa bành trướng.
4. Cam-pu-chia là một nước độc lập.
5. Hiện nay chúng ta ở Mỹ Châu.
6. Các nước phương tây thường xuyên viện trợ Việt Nam.
7. Nước nào muốn lập liên bang Đông Dương?
8. Âm mưu xâm lược đã bị thất bại.
9. Tập đoàn Hà nội triển khai chính sách thực dân mới.
10. Đây là một chính sách thôn tính.
11. Mục tiêu trước tiên là Cao bằng.
12. Việt Nam muốn thông trị Cam-pu-chia.
13. Trung Quốc là một vật cản lớn đối với Việt Nam.
14. Việt Nam là một vị trí xung yếu ở Đông Nam Á.
15. Họ gây rối về chính trị.
16. Họ làm suy yếu về kinh tế.
17. Thắng lợi của Việt Nam.
18. Trung Quốc muốn chia rẽ các dân tộc Đông Dương.
19. Chúng ta sẽ vạch rõ mưu đồ bá quyền của Trung quốc.
20. Họ dựng lên câu chuyện đó.

(2) **Written Interpretation:** Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Bán đảo Đông Dương gồm có ba nước và thuộc Đông Nam Á.
2. Tập đoàn Bắc Kinh coi bán đảo này là một vị trí chiến lược xung yếu.
3. Tập đoàn Bắc Kinh thường xuyên có lập trường là bán đảo Đông Dương thuộc Trung Quốc.
4. Năm 1975 các nước Đông Dương đã trở thành ba quốc gia hoàn toàn độc lập tự do.
5. Sự lấy lại tự do độc lập của Việt Nam và Lào đã kết thúc ảnh hưởng của Trung quốc đối với hai quốc gia này.
6. Việt Nam trở thành một vật cản lớn đối với mưu đồ bá quyền nước lớn Bắc Kinh.
7. Họ triển khai chiến lược vây ép Việt Nam từ hai phía:
8. Quây rối biên giới tây nam bằng quân đội Pôn Pốt;
9. xâm phạm lãnh thổ miền Bắc bằng quân chính quy Trung quốc.
10. Trung quốc phá hoại việc làm ăn bình thường của người dân Việt Nam bằng quân sự.

(3)

Listening Comprehension: Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Trước năm 1975, Việt Nam hoàn toàn bị Trung quốc chi phối. Lý do là Việt Nam cần viện trợ quân sự và kinh tế của Trung Quốc để đánh Mỹ Thiệu.

Năm 1975, chiến tranh đã kết thúc ở Việt Nam. Kinh tế của Trung Quốc bị suy yếu. Vì vậy số lượng viện trợ cho Việt Nam không được nhiều như trước nữa. Việt Nam nhận nhiều viện trợ của Liên Xô và cho Liên Xô sử dụng nhiều cơ sở quân sự trên lãnh thổ Việt Nam.

Questions

1. Việt Nam bị Trung quốc chi phối bao giờ?
2. Tại sao Việt Nam chịu sự chi phối của Trung Quốc?
3. Chiến tranh Việt Nam kết thúc năm nào?
4. Tại sao số lượng viện trợ của Trung quốc cho Việt Nam bị kém đi?
5. Việt Nam cho Liên-Xô làm gì trên lãnh thổ Việt Nam?

Answers

1. before 1975
2. They needed economic and military aid to fight the US-Thieu (clique).
3. 1975
4. Chinese economy was weakened.
5. Use military installations.

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa thực dân mới của Trung quốc đối với Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia.
2. Đã từ lâu, Trung quốc muốn có ảnh hưởng chính trị "người Anh cả" ở vùng Đông Nam Á.
3. Căn bản "cơ sở chính trị" này là con số hơn 20 triệu người Hoa kiều hiện đang sống ở các nước trong khu vực này.
4. Nhưng sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều quốc gia trong khu vực trở thành các quốc gia độc lập tự do.
5. Công tác trước tiên của các nhà cầm quyền là xua đuổi người Trung quốc ra khỏi lãnh thổ của họ.
6. Lý do là những người Trung quốc này có đủ phương tiện để chi phối kinh tế của một quốc gia.
7. Nhà cầm quyền Trung quốc phản đối chính sách xua đuổi này, vì chính sách này đã làm thất bại âm mưu chi phối kinh tế và chính trị của họ.
8. Vì vậy năm 1978, Trung quốc phải dùng phương tiện quân sự với mục đích giữ các quốc gia ở khu vực này trong vòng ảnh hưởng của họ.
9. Mục tiêu là tiên công Việt Nam. Vì nhà cầm quyền Bắc Kinh nhận thấy chính phủ Việt Nam triển khai chính sách "liên bang Đông Dương".
10. Nếu chính sách này có kết quả tốt thì cả bán đảo Đông Dương sẽ thuộc Việt Nam. Ảnh hưởng của Trung Quốc ở vùng này sẽ mất.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. The Indochinese Peninsula consists of three countries and is part of Southeast Asia.
2. The Peking gang considers this peninsula an important strategic position.
3. The Peking gang's routine stand is that the Indochinese Peninsula belongs to China.
4. In 1975, the Indochinese countries became three completely free and independent nations.
5. Vietnam and Laos, regaining their freedom and independence, have ended China's influence regarding these two nations.
6. Vietnam has become a big obstacle to the hegemonic plot of Peking.
7. They have initiated a strategy to encircle Vietnam from two directions:
 8. harassment of the southwestern border by Pol Pot's army, and
 9. violation of territory in the north by regular Chinese troops.
10. China disrupts the normal working activities of Vietnamese citizens by military means.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. For nearly a century, history has linked the destinies of the three countries of Vietnam, Laos and Kampuchea.
2. When a country is invaded and annexed, its people can never live a peaceful and happy life. The three Indochinese nations began to lose their independence and freedom at the end of the 19th century.
3. France was the country that had annexed and ruled the three above-mentioned nations. French colonialism founded the Indochinese Federation.
4. The peoples of the three countries have been united: fighting together and together victorious. In 1954 they defeated French colonialism and in 1975, US imperialism.
5. While World War II was going on in western Europe, Japan, with its plot of annexing Southeast Asia, came to drive the French army out of Vietnam.
6. After Japan had been defeated, France returned to Vietnam. During this period each country on the peninsula had developed sufficient strength to resist France and achieve victory.
7. After more than ten years of fighting, the combined strength of the three countries and three peoples ended the policy of aggression of French colonialism in Indochina.
8. But victory did not bring about peace. Vietnam was cut in two; the southern region of Vietnam, Laos and Kampuchea were controlled by U.S. imperialism. The people of these three countries lived under the regime of US neo-colonialism.
9. Once again, the revolutionary government of Vietnam stood up to shoulder a new historical mission. The Vietnamese government allied itself with the revolutionary forces of Laos and Kampuchea against U.S. imperialism and counter-revolutionary forces.
10. In 1975, the enemy of the people of the three countries was defeated. But they could not have a peaceful and happy life, because Peking wanted to "fill the vacuum" left by US imperialism; therefore, it sought every means possible to divide them and at the same, achieve Chinese hegemonism in Southeast Asia.

PART III.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

B.

1. Tuy Trung quốc đã cảnh cáo Việt Nam và đã dùng quân sự uy hiếp Việt Nam, nhưng đồng thời cũng cố tranh một cuộc đụng đầu lớn về quân sự và chính trị với Việt Nam trên bán đảo Đông Dương.
2. Khi hội nghị Pa-ri kết thúc, nhà cầm quyền phản động Hà-nội tố cáo việc Bắc Kinh định thực hiện bá quyền ở vùng Đông Nam Á.
3. Trung quốc vạch rõ âm mưu chia rẽ Trung quốc với các nước trong vùng của bọn phản động Hà-nội. Trung quốc cũng khẳng định lập trường hòa bình của mình đối với Việt Nam.
4. Nhưng bọn phản động Hà-nội chẳng những không nghe lời cảnh cáo mà còn chuẩn bị chiến tranh chống Trung Quốc. Chúng cho lính biên phòng vượt biên giới tập kích và bắn phá sâu trong lãnh thổ Trung Quốc.
5. Phương tiện ngoại giao không kết thúc được các cuộc tập kích và bắn phá, Trung quốc buộc phải dùng phương tiện quân sự để giải quyết các vụ Việt Nam quấy rối biên giới Trung Việt.
6. Không chịu nhận thất bại, tập đoàn hiếu chiến Hà nội liên minh với đế quốc Liên-xô để thực hiện mưu đồ thôn tính và chi phối các quốc gia trong vùng Đông Nam Á. Vòng đầu của chính sách thôn tính gồm việc lập chính phủ tay sai ở Cam-pu-chia và cắt hẳn ảnh hưởng Trung Quốc ở Lào.
7. Nhà cầm quyền Cam-pu-chia biết rõ âm mưu trên nhưng không đủ sức mạnh quân sự để chống chiến tranh xâm lược của bọn hiếu chiến Hà-nội. Vì vậy chỉ trong một tháng, các lực lượng chiến đấu Cam-pu-chia phải rút lui. Toàn lãnh thổ Cam-pu-chia bị bọn phản động thực dân mới xâm chiếm.
8. Đồng thời bọn này đưa ra những lời tuyên truyền chống cách mạng, chống chủ nghĩa xã hội để dựng lên liên bang Đông Dương. Chúng câu kết với bọn phản động Lào và Cam-pu-chia để gây rối chính trị trong vùng Đông Nam Á.
9. Chúng cho quân phát xuất từ lãnh thổ Lào đi tập kích liên tiếp các tỉnh giáp biên giới Trung-Lào. Chúng bắn sâu vào lãnh thổ Thái để cho các nước biết thế của chúng đang lên và sức của chúng càng mạnh.
10. Hẹn bạo giờ hết Trung quốc thấy cần phải nghiêm khắc cảnh cáo Hà-nội và cho Hà-nội biết rõ là Trung quốc sẽ dùng mọi phương tiện để chống lại mưu đồ bành trướng của Việt Nam tại Đông Nam Á.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Trọng và Thành

Trọng: Tập đoàn cầm quyền Bắc kinh lại dùng phương tiện kinh tế và chính trị để uy hiếp ta.

Thành: Chắc bọn chúng thấy Việt Nam tổng hợp được sức mạnh của hai nước Lào và Campu-chia nên sợ chứ gì?

Trọng: Đúng vậy, chúng nghĩ Việt Nam sẽ lập chỗ trông của đế quốc Mỹ.

Thành: Chúng đùa giai đây à! Chúng quên rằng lịch sử luôn luôn gắn vận mệnh của ba nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia vào làm một.

Trọng: Nếu chúng nhớ thì chúng đã không cho quân vượt biên giới tập kích ta và Lào.

Thành: Chắc chắn chúng sẽ chịu chung số phận của hai đế quốc lớn trước đây.

Questions

1. Trọng và Thành nói chuyện về nước nào?
2. Nước này dùng phương tiện gì uy hiếp Việt Nam?
3. Tại sao nước này thấy cần uy hiếp Việt Nam?
4. Nước nào sẽ lập chỗ trông của đế quốc Mỹ?
5. Theo lịch sử thì ba nước ở bán đảo Đông Dương có điều gì đặc biệt?
6. Thành nghĩ gì về việc "lập chỗ trông"?
7. Hành động gì của Trung Quốc đã làm cho Trọng nghĩ nhà cầm quyền Bắc Kinh quên lịch sử của ba nước Lào, Cam-pu-chia và Việt Nam?
8. Hai đế quốc lớn đây là các nước nào?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Trọng and Thành

- Trọng: The Peking authorities are using economic and political means to threaten us again.
- Thành: They are probably afraid because they feel that Vietnam can consolidate the strength of Laos and Cambodia, wouldn't you say?
- Trọng: Right. They think Vietnam will "fill the vacuum" left by U.S. imperialism.
- Thành: Are they kidding? They forget that history has always linked the fate of the three countries of Vietnam, Laos and Cambodia.
- Trọng: If they had remembered, they would not have sent troops across the border(s) to raid us and Laos.
- Thành: They will certainly share the fate of the two previous leading imperialist nations.

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Cả thế giới đứng về phía chúng ta.
2. Đây là một sứ mạng lịch sử mới.
3. Một thế kỷ là một trăm năm.
4. Chúng ta phải phát huy sức mạnh đó.
5. Phong trào cách mạng ngày càng tăng.
6. Đứng trên lập trường hòa bình mà nói.
7. Kẻ thù hiện nay là Cam-pu-chia.
8. Chúng ta phải đoàn kết chống xâm lược.
9. Cuộc đụng đầu về chính trị và kinh tế.
10. Đồng thời họ vượt biên giới tiên công ta.
11. Ta phải chịu chung trách nhiệm.
12. Nhất định ngày mai tôi sẽ ở nhà.
13. Số phận của một người, vận mệnh của một nước.
14. Qui luật thắng lợi là đoàn kết.
15. Trên tư thế của một nước lớn.
16. Trên bán đảo Đông Dương đang diễn ra một cuộc đụng đầu về chính trị.
17. Chính bản thân tôi cũng không biết.
18. Nếu đã nhất định thì làm đi!
19. Đây là một sứ mạng lịch sử mới.
20. Chiến đấu để giành độc lập tự do.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Không chịu nhận thất bại, tập đoàn cầm quyền Bắc Kinh đang tìm cách thực hiện mưu đồ thôn tính Việt Nam.
2. Chúng liên minh với đế quốc Mỹ để chống lại liên minh Việt Nam-Lao-Cam-pu-chia.
3. Chúng quên rằng, các nước này có đủ phương tiện bảo vệ độc lập tự do của họ.
4. Ngoài ra, sự liên minh của ba nước đã phát huy sức mạnh tổng hợp của ba dân tộc.
5. Sức mạnh tổng hợp ấy sẽ có đủ khả năng chống lại chủ nghĩa bành trướng Bắc Kinh.
6. Hiện nay trên bán đảo Đông Dương đang diễn ra một cuộc đụng đầu lịch sử mới.
7. Cuộc đụng đầu lịch sử mới ấy là cuộc đụng đầu giữa chủ nghĩa xã hội và thế lực chống chủ nghĩa xã hội.
8. Bắc kinh càng xuyên tạc sự thật để chia rẽ ba nước Đông Dương thì càng làm cho ba nước ấy đoàn kết.
9. Kẻ thù của một nước nào trong ba nước ấy đồng thời cũng là kẻ thù của hai nước kia.
10. Trước kia họ đã gấn bó, bây giờ họ lại càng gấn bó trên tự thế của người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Từ hơn 60 chục năm, lịch sử đã gắn vận mệnh của Lào và Việt Nam vào làm một. Nhân dân hai nước đã đoàn kết đánh thắng đế quốc Pháp. Sau khi giành được độc lập tự do, hai nước liên minh chống lại chủ nghĩa thực dân mới của Trung Quốc và lực lượng hiếu chiến của Cam-pu-chia.

Hiện nay trên bán đảo Đông Dương đang diễn ra một cuộc đụng đầu lịch sử mới về chính trị cũng như về kinh tế.

Questions

1. Lịch sử đã gắn vận mệnh của các nước nào với nhau?
2. Lịch sử đã gắn vận mệnh của các nước này bao lâu?
3. Đế quốc nào đã bị thất bại?
4. Trung Quốc muốn thực hiện chủ nghĩa gì mới ở Đông Dương?
5. Hiện nay trên bán đảo Đông Dương có cuộc đụng đầu về gì?

Answers

1. Laos and Vietnam
2. 600 years
3. French
4. neo-colonialism
5. politics and economics

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Từ hơn thế kỷ nay, vận mệnh của ba nước Lào, Việt và Cam-pu-chia luôn luôn là một.
2. Nếu một nước nào bị xâm lược và bị thôn tính thì độc lập tự do của hai nước kia cũng bị mất.
3. Nhân dân Việt, Lào và Cam-pu-chia đã đoàn kết đánh thắng hai đế quốc to để lập liên bang Đông Dương.
4. Liên bang Đông Dương sẽ dùng sức mạnh tổng hợp của bạn thân để chặn chủ nghĩa bành trướng nước lớn từ phía Bắc.
5. Một lần nữa "anh cả" Việt Nam lại đứng lên gánh vác một số sứ mạng lịch sử mới. Quy luật thắng lợi của ba nước là cùng đoàn kết, cùng chiến đấu, cùng thắng lợi.
6. Nhà cầm quyền Việt Nam sẽ vạch rõ mưu đồ phản cách mạng của Bắc Kinh và các thế lực tay sai trong vùng Đông Nam Á.
7. Trên tư thế của người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình, Việt Nam sẽ quyết tâm không để cho bất kỳ nước nào vi phạm chủ quyền của mình hay của hai nước bạn.
8. Việt Nam cũng cảnh cáo các thế lực hiếu chiến và phản cách mạng rằng dân tộc Việt sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa của mình.
9. Một lần nữa, nhân dân ba nước lại đoàn kết đứng lên trên một cơ sở mới: hòa bình, độc lập tự do để phát huy một sức mạnh tổng hợp.
10. Kể nào muốn "lấp chỗ trống" của đế quốc Mỹ nên nghĩ lại. Hơn bao giờ hết, thế của ba nước Đông Dương đang lên, sức của họ càng mạnh.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. Refusing to accept defeat, the Peking authorities are looking for ways to put into effect their plot to annex Vietnam.
2. They ally themselves with US imperialism to oppose the Vietnam-Laos-Cambodia alliance.
3. They forget that these countries have sufficient means to protect their independence and freedom.
4. In addition, the tri-country alliance has developed the combined strength of three peoples.
5. This combined strength will sufficiently resist Chinese expansionism.
6. A new historical confrontation is presently taking place on the Indochinese Peninsula.
7. This new-historical confrontation is between socialism and anti-socialist influences.
8. The more Peking distorts the truth to divide the three Indochinese nations, the more it will unite them.
9. The enemy of any one of these three countries is also the enemy of the other two countries.
10. Formerly they were joined to each other; now they are all the more attached to each other in their posture as masters of the land and masters of their fate.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. After 1975, the war ended in Vietnam. Politics and the economy are the two problems confronting the government of the Socialist Republic of Vietnam.
2. Hanoi authorities quickly brought a new political policy to the South. This policy consisted of bringing into the government persons who had previously cooperated with the Hanoi authorities and, at the same time, forcing them to follow the party lines.
3. The above policy not only met with vigorous reaction from the southerners, but also met with objections from party members in the North; the northern cadres reasoned that, since they had contributed much to the war against the invaders, they should have greater authority than the southerners.
4. During that time the political cadres in the South would not recognize the party line because this line would cause a political cadre to lose its freedom and stature.
5. The political problems within the country hadn't been solved when the five-year plan for agriculture in the North failed. Because Vietnam's economy is agricultural, the above failure weakened all other production operations.
6. The Hanoi authorities established new economic zones such as agricultural sites or forestry sites in the North, and forced the farmers and anti-government persons to enter these zones to produce crops or rice.
7. But the collective economy won't be able to immediately replace the capitalistic methods with which the southerners have been acquainted these many years.
8. The Hanoi authorities can't prevent the expanding capitalistic movement brought back from the South by northern soldiers.
9. A number of agricultural cadres suggested using the household supplementary economy as a means to solve the problem of the current weak economy. They said the advantage of the household supplemental economy is that it has the capability of contributing positively to the solution of the food problem which confronts society.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)
continued

10. The above suggestion was officially accepted at the 16th Agricultural Convention meeting at Hue. The convention encouraged the cadres having positions on the agricultural or forestry sites to apportion a small part of the fields for the co-op members to engage in supplemental economy work.

PART III.

TRANSLATION

B.

(English-Vietnamese)

1. Năm 1955, Nhà Nước muốn giải quyết ngay vấn đề nông nghiệp tại Việt Nam bằng cách lấy tất cả ruộng đất của nông dân. Đến cuối năm 1955, thị quyền làm chủ của nông dân không còn nữa.
2. Bộ nông nghiệp lập nông trường ở các vùng và bắt các nông dân vào làm ruộng ở đó. Số lượng thu hoạch nơi nông trường đều thuộc Nhà nước. Nhà nước cấp cho các nông dân một số lúa gạo hay hoa màu đủ ăn đến mùa sau.
3. Kế hoạch này bị thất bại vì người dân phải làm nhiều, đóng góp nhiều mà không được sử dụng sản phẩm mình sản xuất. Các cán bộ nông nghiệp đề nghị với bộ nông nghiệp tạm bỏ kế hoạch kinh tế tập thể và người nông dân sẽ trở thành người xa viên.
4. Theo chính sách mới này thì xa viên nào có khả năng sản xuất nhiều, ở nông trường sẽ được sử dụng sản phẩm nhiều hơn. Biện pháp cụ thể này được đẩy mạnh, xa viên không cần khuyến khích cũng làm hết sức mình.
5. Nhưng mấy năm sau đó vì có chiến tranh nên toàn dân phải đoàn kết để chiến đấu. Nông nghiệp không còn là vấn đề quan trọng nữa.
6. Năm 1980, người dân muốn chính phủ giải quyết ngay vấn đề ăn trước mắt của xa hội. Người dân cũng muốn chính phủ bỏ chính sách kinh tế tập thể ở Việt Nam. Phong trào chống nông trường và lâm trường diễn ra suốt từ Nam ra Bắc.
7. Cuối năm 1980, Đảng và nhà nước chấp nhận lời đề nghị của cán bộ nông nghiệp và chính thức công nhận kinh tế phụ gia đình là một bộ phận quan trọng của nền nông nghiệp.
8. Đảng và Nhà nước cấp ruộng cho những ai muốn làm kinh tế phụ gia đình. Những ai ở vùng không có điều kiện về đất đai để sản xuất thì nhà cầm quyền sẽ cấp cho một phần đất nhỏ ở nông trường hay lâm trường.
9. Nhưng các gia đình làm kinh tế phụ trước hết phải làm đầy đủ nghĩa vụ đối với xa hội làm ở nông trường xong thì mới được làm kinh tế phụ. Nhưng sản phẩm do bản thân sản xuất không phải đóng thuế.
10. Để ngăn ngừa các người trong đảng phản đối chính sách "tự bản chủ nghĩa" trên, bộ nông nghiệp nêu cao lời nói của Hồ Chí Minh sau đây "Nông dân ta giàu thì nước ta giàu".

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Hải và Đông

Hải: Anh có nghe tin về cái gọi là "kinh tế phụ gia đình" không?

Đông: Chương trình này có ở trong kế hoạch năm năm anh không biết à?

Hải: Tôi có đọc kế hoạch đó, nhưng không để ý. Anh nói qua cho tôi biết.

Đông: Kinh tế phụ gia đình có nghĩa là dân có quyền bán những gì họ sản xuất.

Hải: Nhưng phải làm đầy đủ nghĩa vụ đối với kinh tế tập thể chứ!

Đông: Đúng vậy. Những sản phẩm sản xuất từ kinh tế phụ không phải đóng thuế hàng hóa.

Hải: Như vậy chúng ta quay về với tư bản chủ nghĩa rồi.

Đông: Anh đừng lo. Hồ Chí Minh đã nói "nông dân giàu thì nước ta giàu".

Questions

1. Kinh tế phụ gia đình có ở trong kế hoạch nào?
2. Tại sao anh Hải không biết về chương trình trên?
3. Kinh tế phụ gia đình là gì?
4. Trước khi làm kinh tế phụ gia đình người nông dân phải làm gì trước?
5. Sản phẩm sản xuất có bị đánh thuế không?
6. Hải nghĩ gì về chương trình này?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Hải and Đông

- Hải: Have you heard about something called the "household supplemental economy"?
- Đông: It's in the five-year plan, and you don't know it?
- Hải: I read the five-year plan but didn't pay any attention to it. Tell me about it.
- Đông: "Household supplemental economy" means that the people have the right to sell things that they produced.
- Hải: But surely they have to fulfill their duty to the collective economy first!
- Đông: That's right. The products produced by the supplemental economy needn't be taxed.
- Hải: Then we're turning back to capitalism.
- Đông: Don't worry. Hồ Chí Minh said, "If the farmers are wealthy, then our nation is wealthy."

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Tôi công nhận là ông nói đúng.
2. Người giàu là người có nhiều tiền.
3. Anh ấy có khả năng làm công tác đó.
4. Tôi làm như vậy để ngăn ngừa việc ăn bớt tiền.
5. Nếu việc có lợi ích thì anh cứ làm.
6. Tôi muốn anh giải quyết nhANH chóng vấn đề.
7. Nước Mỹ sản xuất nhiều gạo nhất.
8. Vấn đề trước mắt là vấn đề lúa gạo.
9. Xã viên là người làm việc ở nông trường.
10. Nhiều quốc gia theo tư bản chủ nghĩa.
11. Kinh tế phụ sẽ bổ sung cho kinh tế tập thể.
12. Công nhân cũng được cấp ruộng đất.
13. Ông ấy là người có chức quyền.
14. Tôi đã đóng góp hơn 1000 đồng rồi.
15. Chính phủ khuyến khích dân làm nghĩa vụ.
16. Không nên lợi dụng chức quyền làm điều sai trái.
17. Nhà nước muốn cán bộ vào Nam công tác.
18. Nông trường là nơi sản xuất lúa gạo.
19. Nhiệm vụ của anh là học tiếng Việt cho giỏi.
20. Sản phẩm có thể là lúa gạo hay ngô.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Nhà nước vừa phát động kế hoạch năm năm.
2. Mục tiêu của kế hoạch này là tăng số lượng thu hoạch gấp ba số lượng thu hoạch của kế hoạch năm năm trước.
3. Những sản phẩm sản xuất từ kinh tế phụ không phải đóng thuế.
4. Đảng và Nhà nước còn khuyến khích và đẩy mạnh phong trào bằng cách cấp ruộng đất cho dân chúng.
5. Lợi ích là nông dân hay công nhân nhanh chóng làm đầy đủ nghĩa vụ của họ đối với xã hội.
6. Chính sách này sẽ ngăn ngừa các việc cán bộ lợi dụng chức quyền để vi phạm quyền lam chũ của xã viên.
7. Ngoài ra, sản phẩm xuất từ kinh tế phụ sẽ đóng góp vào việc giải quyết vấn đề ăn của xã hội.
8. Số lượng thu hoạch hàng ngày hay hàng năm nhiều hay ít là do khả năng của người làm việc.
9. Khi người dân đã có tiền để mua hàng hóa cần dùng thì chắc chắn người dân sẽ sung sướng.
10. Đảng và Nhà nước hy vọng các nhân viên có chức quyền sẽ hằng hái tiên hạnh chính sách kinh tế phụ gia đình ở mọi nơi.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến vấn đề thiếu ăn và thiếu mặc của nhân dân. Hiện nay kinh tế tập thể gặp nhiều trở ngại. Trở ngại lớn là cán bộ lợi dụng chức quyền bắt nông dân đóng góp nhiều cho cán bộ được sung sướng. Nông dân nào phản đối thì bị bắt, bị đánh v.v... Để giải quyết các vấn đề trên, Đảng và Nhà nước cho phép người dân được tự do sử dụng các sản phẩm do họ sản xuất.

Questions

1. Đảng và Nhà nước quan tâm đến vấn đề gì?
2. Chủ nghĩa kinh tế nào gặp nhiều trở ngại?
3. Trở ngại lớn là gì?
4. Tại sao nông dân bị đánh hay bị bắt?
5. Đảng và Nhà nước cho nông dân được phép làm gì?

Answers

1. people's food and clothing
2. collective economy
3. abuse by the cadres
4. They protest these cadre's abuse.
5. to use products produced by the people

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Khi còn sống, Hồ Chí Minh thường khuyến khích việc phát huy kinh tế phụ bên cạnh kinh tế tập thể.
2. Nhưng trong việc chỉ đạo tiến hành chính sách trên các cán bộ không chịu áp dụng nghiêm chỉnh đường lối của kinh tế phụ.
3. Cán bộ lợi dụng chức quyền lấy tất cả ruộng đất của dân vào nông trường hay lâm trường.
4. Ở các nước Xã hội chủ nghĩa khác, kinh tế phụ gia đình được chính thức công nhận là một bộ phận của nền nông nghiệp xã hội.
5. Báo Nhân Dân viết "Trong điều kiện của các nước xã hội chủ nghĩa kinh tế phụ gia đình là cơ bản của xã hội chủ nghĩa và bổ sung cho kinh tế xã hội".
6. Để bảo đảm quyền làm kinh tế phụ của nông dân, Đảng đã nội người dân có quyền sử dụng một phần ruộng đất của mình.
7. Nhiều cán bộ đã sợ người nông dân quá chú trọng đến việc làm kinh tế phụ gia đình và quên việc làm kinh tế xã hội.
8. Sợ như thế chỉ đúng một phần thôi, nếu chính sách của ta bảo đảm cho người nông dân làm kinh tế phụ gia đình.
9. Và đồng thời bảo đảm cho họ được tự do sử dụng các sản phẩm do họ sản xuất thì họ làm tất cả kinh tế phụ và kinh tế tập thể.
10. Vì vậy ta phải tin dân, giúp đỡ dân trong việc tiến hành chính sách kinh tế phụ để giải quyết vấn đề ăn trước mắt của xã hội.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. The state just initiated a five-year plan.
2. The goal of this plan is to increase the yield of the harvest to triple the yield harvested under the previous plan.
3. The products produced by the secondary economy are not taxed.
4. The party and the state also encourage and promote the movement by granting land to the people.
5. The advantage is that the farmers or workers will quickly fulfill their duty to society.
6. Carrying out this policy also prevents cadres from taking advantage of their position in order to violate the property rights of co-op members.
7. Besides, products produced by the supplemental economy will contribute to solving the society's food problem.
8. Whether the daily or annual harvest yields are large or small depends on the capabilities of the workers.
9. When the people have money to buy needed merchandise, then surely they will be happy.
10. The party and the state hope that authorities will enthusiastically carry out the household supplemental economy policy everywhere.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. The Hanoi-Hue-Ho Chi Minh City Railroad was completed in 1936. This railroad runs parallel to Highway 1. From a military standpoint, these two routes are of strategic importance for the mission of transporting food supplies and equipment.
2. During the war years both roads were destroyed by airplanes. They didn't become the routes for transporting freight and passengers from Hanoi to Ho Chi Minh City until 1978.
3. Because the freight and passenger volume increases each day, the authorities in Hanoi expanded the train station area to two or three times the previous size, including rest rooms for the use of passengers from far-off provinces while waiting for the departure of their train, waiting rooms, operations rooms, administrative offices, etc.
4. When the supplemental economy expanded, people began to have money for visiting families who live far away. Naturally, railroad passenger volume increased greatly.
5. There are many passengers, but the means of transportation are only half of what is needed; therefore, there are phenomena which occur regularly at the new station such as cutting in line and pushing and shoving to buy tickets.
6. In the station area, hoodlums with criminal records take advantage of the pushing and shoving and line-cutting to snatch the belongings of the passengers.
7. Taking advantage of the tense situation in the ticket sales area, a bunch of hoodlums organized to buy the tickets and resell them at higher prices to passengers who had to leave immediately.
8. Before that situation, there was also a limitation on the number of tickets sold each day so that a number of cadres and station workers took bribes from passengers as well.
9. Hanoi authorities hurriedly set up the following procedures to solve the violations above as well as to improve service to the rail passengers:
 10. 1) Increase the security force keeping order in the ticket sales area. 2) No shoving or cutting in line in the ticket area. 3) After buying a ticket, the passenger will board the train directly.

PART III.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

B.

1. Tại sao chúng ta phải cấp thiết phát động cuộc đấu tranh chống tiêu cực và xây dựng nếp sống mới ở ba ga chính Hà Nội, Huế và thành phố Hồ Chí Minh?
2. Vì trong mấy tháng gần đây, ở các khu vực ga Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh đã thường xuyên xảy ra những vi phạm nếp sống mới của chủ nghĩa xã hội.
3. Các lực lượng giữ trật tự không làm đầy đủ nhiệm vụ của họ. Họ để bọn lưu manh ăn cắp, cướp giật tại sân của hành khách một cách tự do không bao giờ hạn đến biện pháp để giải quyết các hành động bất hợp pháp ấy cả.
4. Trong khi đó thì cán bộ, công nhân viên của ga tổ chức việc mua vé rồi bán lại với giá cao cho những hành khách cần đi xa.
5. Theo một báo cáo gần đây thì chính cảnh sát câu kết với bọn lưu manh, cán bộ và công nhân viên của ga để tình trạng chen lấn, xô đẩy xảy ra ở nơi bán vé, lý do là để chia tiền bán vé.
6. Sau khi điều tra và theo dõi các vụ vi phạm trắng trợn nói trên phong nghiệp vụ Hà Nội đã đề nghị các biện pháp sau đây để loại trừ các hiện tượng tiêu cực và ăn hôi lộ.
7. Cứ mỗi hai tháng thì thay đổi các đơn vị giữ gìn trật tự khu nhà ga, đồng thời đưa các công nhân viên làm việc ở ga Hà Nội về các ga nhỏ; còn các cán bộ thì đưa về phong nghiệp vụ Gia Lâm.
8. Cảnh sát thành phố sẽ hợp tác với lực lượng giữ gìn trật tự ở ga để ngăn chặn các tên lưu manh hoạt động tại đây trong các ngày lễ và ngày tết.
9. Đề nghị thứ hai là bỏ việc hạn chế số vé bán bằng cách tặng thêm số toa trong những ngày lễ, ngày tết, và công nhân viên không được đến gần nơi bán vé.
10. Đây là những yêu cầu cấp thiết để làm tốt việc phục vụ hành khách đi tàu và loại trừ hiện tượng tiêu cực, ăn hôi lộ, lót tay đồng thời xây dựng nếp sống mới ở khu vực nhà ga ở Việt Nam.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Tin và Quyên

- Tin: Tôi cần 3 cái vé Hà Nội-Huế mà không mua được.
 Quyên: Anh phải đến xếp hàng sớm.
 Tin: Tôi xếp hàng đúng thứ sáu mà vẫn không mua được.
 Quyên: Hết vé à?
 Tin: Vâng. Nếu tôi muốn có vé thì phải trả tiền gấp hai.
 Quyên: Có anh cán bộ tôi quen sẽ bán vé cho anh.
 Tin: Đúng giá vé hay hơn?
 Quyên: Giá vé và thêm 10 o/o.

Questions

1. Anh Tin muốn mua mấy cái vé?
2. Anh Tin muốn mua vé đi đâu?
3. Anh Quyên đề nghị anh Tin làm gì để mua được vé?
4. Anh Tin đứng thứ mấy ở trong hàng?
5. Tại sao anh ấy vẫn không mua được vé?
6. Anh Quyên sẽ giới thiệu ai với anh Tin?
7. Và đề làm gì ?
8. Anh Tin phải trả thêm bao nhiêu thì mới có vé?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Tín and Quyên

Tín: I need three tickets from Hanoi to Hue, but I can't buy them.

Quyên: You have to get in line early.

Tín: I was standing sixth in line, but still couldn't buy them.

Quyên: They were out of tickets?

Tín: Yes. If I want to buy a ticket I'd have to pay double.

Quyên: There's a cadre I know who'll sell you a ticket.

Tín: At same cost or more?

Quyên: For the cost of the ticket plus 10 percent.

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Dân Việt đã đấu tranh để giành độc lập tự do.
2. Nếu có hơn ba người đợi thì nên xếp hàng.
3. Nước này đang ở trong tình trạng chiến tranh.
4. Xếp hàng thì không phải chen lấn.
5. Chính phủ hạn chế số người vào Mỹ.
6. Cảnh sát đã theo dõi bọn lưu manh.
7. Tôi sẽ gặp anh ở toa cuối.
8. Họ thiếu phương tiện vận tải.
9. Đông người thì khó có trật tự.
10. Chúng tháo dỡ các đồ trang bị của tàu.
11. Đông người lại càng phải có vệ sinh.
12. Thôi anh ở lại vui vẻ nhé.
13. Có thoải mái thì mới vui vẻ được.
14. Lưu lượng hành khách ngày càng tăng.
15. Giữ gìn trật tự là nhiệm vụ của mọi người.
16. Một năm có 7 ngày lễ.
17. Ông không thể so sánh tôi với ông ấy được.
18. Đạo này có nhiều người bị cướp giật.
19. Ông có tài sản ở Mỹ không?
20. Hiện tượng của sự tiêu cực là không muốn làm gì cả.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Phòng nghiệp vụ ga Hà Nội báo cáo về tình hình căng thẳng ở nơi bán vé và lý do gây ra sự căng thẳng này.
2. Cán bộ và công nhân viên của ga câu kết ăn hối lộ lót tay của hành khách.
3. Lưu manh cố tiên án tồ chức chen lấn xô đẩy ở nơi bán vé để hành khách không mua được vé.
4. Ngày lễ, ngày tết lợi dụng đông người bọn lưu manh ăn cắp và cướp giật tài sản của hành khách.
5. Những hiện tượng trên có ảnh hưởng xấu đối với nếp sống mới của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
6. Đội ngũ điều tra của phòng nghiệp vụ ga Hà Nội đề nghị tăng thêm số toa trong những ngày lễ, ngày tết.
7. Thay đổi lực lượng giữ gìn trật tự ở khu vực ga mỗi tuần. Đây là một biện pháp chống tiêu cực và ăn hối lộ lót tay.
8. Trùng trị đích đáng những tên lưu manh bị bắt vì ăn cắp hay cướp giật tài sản của hành khách.
9. Ngăn chặn các hành động trái phép của cán bộ và công nhân viên bằng biện pháp cảnh cáo là sẽ đưa một vai người đến công trường.
10. Hy vọng các biện pháp trên sẽ mang lại kết quả tốt trong công tác phục vụ hành khách đi tàu.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Sau hơn hai tháng điều tra về các hiện tượng vi phạm nề sông mới ở ga Huế, đồng chí phòng nghiệp vụ ga Hà Nội đề nghị mấy biện pháp cụ thể sau đây.

1. Tăng số toa tàu trong ngày lễ, ngày tết.
2. Bỏ việc hạn chế bán vé.
3. Bắt các tên lưu manh và đưa lên lâm trường.

Áp dụng đề nghị trên thì chỉ trong ba tháng, trật tự và an ninh sẽ trở lại khu vực nhà ga Huế.

Questions

1. Vụ điều tra các hiện tượng vi phạm nề sông mới mất bao lâu?
2. Các hiện tượng vi phạm xảy ra ở đâu?
3. Ai đề nghị các biện pháp để giải quyết vấn đề trên?
4. Một trong những biện pháp này là gì?
5. Nếu đề nghị được áp dụng thì bao lâu sẽ có an ninh và trật tự ở ga trên?

Answers

1. two months
2. Hue railroad station
3. a comrade who works in the Hanoi railway administrative office
4. to increase the number of cars
5. three months

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Những hoạt động của kinh tế phụ cùng kết quả của nó đã làm cho người dân có một nếp sống thoải mái hơn.
2. Người dân có tiền nên người dân bắt đầu đi thăm gia đình, họ hàng ở xa. Vì vậy số lưu lượng hành khách ngày càng tăng.
3. Hành khách đông như vậy mà phương tiện vận tải chỉ có 50 o/o so với yêu cầu. Chính vậy nên khu nhà ga đã xảy ra nhiều chuyện xấu.
4. Tình trạng ăn hôi lộ lột tay của cán bộ và công nhân viên của ga xảy ra hàng ngày.
5. Ai muốn có vé đi thì phải lột tay các cán bộ. Nếu không hôi lộ thì có khi phải xếp hàng đợi hai hay ba tuần mới có vé.
6. Trong khi đó công nhân viên của ga câu kết với bọn lưu manh để gây tình hình căng thẳng ở nơi bán vé.
7. Bọn lưu manh tổ chức xô đẩy và chen lấn nơi bán vé. Hành khách mua không được vé thì phải mua lại với giá cao của bọn lưu manh.
8. Số tiền này sẽ được chia cho nhau. Trong những ngày lễ hay ngày tết lại còn có bọn lưu manh ăn cắp và cướp giật tài sản của hành khách.
9. Trước tình hình cấp thiết đó chúng ta phải tổ chức lại vấn đề giữ gìn trật tự ở khu vực các nhà ga để có an ninh cho hành khách.
10. Vì phục vụ hành khách là trách nhiệm lớn của nhân viên phong nghiệp vụ. Nếu hành khách đi tàu còn gặp khó khăn là ta chưa làm hết nhiệm vụ.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. The Hanoi administrative office reports on the tense situation in the ticket sales area and the reasons for this tension.
2. The cadres and depot workers conspired to take bribes from the passengers.
3. Hoodlums with prior records arranged the pushing and shoving in the ticket sales area so passengers couldn't buy tickets.
4. On Tet and holidays the hoodlums take advantage of the crowds to steal passengers' belongings.
5. The phenomena above have a bad influence on the new way of life in the Socialist Republic of Vietnam.
6. The investigative team from the Hanoi depot administrative offices suggests increasing the number of coaches on Tet and holidays.
7. Change the security force at the depot area each week. This measure goes against inertia and bribery.
8. Punish appropriately those hoodlums arrested for snatching the passengers' personal property.
9. Prevent all illegal actions (committed) by cadres and workers by warning (them) that we will send them to work sites.
10. Hopefully, the above measures will bring good results to the task of serving train passengers.

PART III.
A.TRANSLATION
(Vietnamese-English)

1. Thanks to recent articles, we have had an overview of the economic situation of the Socialist Republic of Vietnam.
2. When the north-south transportation routes were reconnected, passenger volume increased. The consequence of easy comings and goings is that many new thoughts, new points of view have moved into the North.
3. The first progressive change is that the farmers object to their duty as co-op members regarding work on the farms and in the forests. Co-op members produce a lot but don't get to enjoy the fruits of their harvest.
4. Meanwhile, cadres and technicians returning from Hô Chi Minh City are tortured by a "have-not" complex. They think their pure living causes them to suffer because they are not as well off as the people of the South.
5. To settle the discontent of the people, the party and the state accepted a supplementary economy policy. Farmers are permitted to sell products produced by the supplementary economy without paying taxes.
6. In that situation, farmers become well-off financially and turn into consumers. At the same time, cadres and workers must be very thrifty just to make ends meet.
7. Thoughts of hustling for easy money are often discussed among cadres and workers. Consequently, these shortages lead to instances of bribery and "palm greasing" involving cadres and station workers at the Hanoi train station.
8. There have been cadres caught taking bribes who dared raise the following argument: "So many years of war, surely it's time for a little pleasure, eh?"
9. To avoid distortions of the truth to the effect that the state wants the entire populace to follow the doctrine of self-denial, the authorities in the provinces must announce to the people in their province that "Socialism never wants the people to be miserable."
10. But in the current situation, we continue to encounter difficulties brought about by war and natural disasters; the consumer society is not yet appropriate to the realities of our country.

PART III.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

B.

1. Hiện nay các cán bộ và công nhân viên có cái mặc cảm thiếu thốn vì lương của họ không nổi được hai đầu.
2. Tại sao có cái hiện tượng trên? Vì một số đồng cán bộ, công nhân viên ở Nam về đã tuyên truyền cái tư tưởng chạy theo kiểu sống xa hội tiêu thụ.
3. Nếu bị cảnh cáo thì họ có những luận điệu như sau: " Sau chiến tranh thì phải sướng một chút, bao nhiêu năm khổ hạnh rồi thì bây giờ phải hưởng."
4. Họ quên rằng trong xã hội tiêu thụ sự cần thiết tiện lợi chỉ là một phương tiện dẫn đến tư tưởng lam tiền và đó là đầu mối của tội lỗi.
5. Nếu nói là "cần" là "tiện lợi" thì nói đến sáng mai cũng không hết được. Chắc chắn có cái xe đạp là cần là tiện lợi hơn đi bộ. Rồi có cái xe mô tô, tiện lợi hơn. Có ô tô cả gia đình đi chơi không sợ mưa sợ nắng, lại tiện lợi hơn, vân vân và vân vân.
6. Nhưng hoàn cảnh chưa cho phép chúng ta chấp nhận kiểu sống xa hội tiêu thụ. Nước chúng ta đang gặp khó khăn vì thiên tai, vì Trung quốc thường xuyên đe dọa về phía Bắc và vì chiến tranh đã kéo dài hơn chục năm qua.
7. Nếu chúng ta quên những điều trên mà để thả lỏng mình chạy theo kiểu sống xa hội tiêu thụ thì sợ rằng những thành tựu của cuộc kháng chiến sẽ không còn nữa. Con và cháu chúng ta sẽ không được hưởng độc lập tự do mà cha mẹ, ông ba đã tranh đấu chống kẻ thù để giành cho chúng ta.
8. Chúng ta phải bỏ cái thái độ mặc cảm, bất mãn vì phải sống tận tiện trong cái thế giới văn minh hiện đại. Sống tận tiện và không bị nước nào chi phối là một điều rất quan trọng cho dân tộc ta.
9. Ngoài ra, nếu chúng ta thả lỏng mình chạy theo lối sống của xã hội tiêu thụ, bỏ "nếp sống mới" một nếp sống cách mạng là chúng ta đi vào con đường tội lỗi.
10. Chúng ta phải trở lại với lối sống giản dị và lành mạnh, phù hợp với hoàn cảnh chung của đất nước và đồng bào toàn quốc. Đừng quên lời nói của Hồ Chủ tịch.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Hùng và Cầm

Hùng: Dạo này không tiện thì không đủ ăn.

Cầm: Cái gì cũng đắt, lương của tôi chẳng bao giờ nổi được hai đầu cả.

Hùng: Mình phải xoay sở làm ăn chứ không thiếu thôn khổ lắm.

Cầm: Anh định làm gì?

Hùng: Nghe anh Tùng nói mua vé tàu rồi bán lại giá cao.

Cầm: Làm vậy có trái phép không?

Hùng: Đói thì phải liều.

Cầm: Ngày mai tôi sẽ đi xếp hàng mua vé với anh.

Questions

1. Hùng có phong lưu không?
2. Lương của Cầm có đủ để nổi hai đầu không?
3. Hùng có ý định làm tiền cách nào?
4. Ai đề nghị cách làm tiền trên?
5. Hoàn cảnh của Hùng bắt Hùng làm gì?
6. Cầm có ngăn cản cái ý định làm tiền của Hùng không?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Hung and Cam

Hung: Nowadays, if you're not thrifty, there's not enough to eat.

Cam: Everything is expensive; on my salary I can never make ends meet at all.

Hung: Myself, I'm going to hustle up some money, not stay so broke.

Cam: What do you plan to do?

Hung: I heard Tung mention buying train tickets then selling them again at high prices.

Cam: Is doing that illegal?

Hung: If you're hungry, you have to take risks.

Cam: I'll go get in line to buy tickets with you tomorrow.

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Anh đã lĩnh lương chưa?
2. Nếu có lương thì tôi đã phong lưu rồi.
3. Tôi tiếc là cô ấy không có nhà.
4. Anh nói như vậy là không thực tế rồi.
5. Mời cô ngồi tôi muốn bàn với cô việc này.
6. Tại sao anh bất mãn vậy?
7. Chỉ mua những đồ trang bị cần thiết thôi.
8. Nước nào cũng văn minh cả.
9. Viết giản dị thôi!
10. Đề nghị này rất phù hợp với hoàn cảnh hiện nay.
11. Sông lạnh mạnh thì khỏe lắm.
12. Không tàn tiện thì dói.
13. Có phương tiện vận tải thì tiện lợi hơn.
14. Anh giận vì bị bà ấy day dứt, phải không?
15. Luận điệu ấy nghe không được.
16. Làm nhiều thì được hưởng nhiều.
17. Sông trong xã hội tiêu thụ thì phải có tiền.
18. Các chiến sĩ biên phòng kháng chiến thường xuyên.
19. Ưông một chút nữa đi!
20. Anh định xoay sở làm ăn ra sao?

(2) **Written Interpretation:** Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading write down your English translation.

1. Trong hoàn cảnh hiện nay, lương của số đông cán bộ và công nhân viên không nổi được hai đầu.
2. Dọa cái mặc cảm thiếu thốn, ai cũng có tư tưởng xoay sở làm ăn và tư đó rất dễ đi đến con đường tội lỗi.
3. Có nhiều người bị bắt thì đưa ra những luận điệu như sau: "Bao nhiêu năm khổ bấy giờ phải sướng một chút chứ."
4. Sống trong thế giới văn minh thì phải được hưởng thành tựu của khoa học kỹ thuật v.v...
5. Luận điệu trên là do ảnh hưởng của xã hội tiêu thụ miễn Nam gây ra.
6. Rất buồn là, có nhiều người trong chúng ta đã hiểu về xã hội tiêu thụ kiểu Mỹ và lên án nó.
7. Bấy giờ được phép đến thành phố Hồ Chí Minh là bị ảnh hưởng của xã hội tiêu thụ ngay.
8. Như vậy là chúng ta chưa giữ được lập trường cách mạng, chưa làm đủ bổn phận của cán bộ, công nhân viên.
9. Hoàn cảnh hiện nay chưa cho phép chúng ta sống phong lưu vì chúng ta còn gặp khó khăn do thiên tai và chiến tranh gây ra.
10. Nếu ai cũng muốn chạy theo kiểu xã hội tiêu thụ thì người đó chưa hiểu rõ thực tế của đất nước.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question, in English. You can take notes while listening.

Năm 1975, chiến tranh kết thúc tại Việt Nam. Khi cán bộ và lính vào thành phố Sài Gòn, một thành phố của xã hội miền Nam, họ thấy cái gì họ cũng mua cả, từ máy phát thanh, đồng hồ, xe đạp đến quần áo.

Khi họ phải về Hà Nội và sống thiếu thốn thì họ trở nên bất mãn và có tư tưởng làm tiền. Có người lại tiếc vì sống chân chính nên khổ không bằng người ta.

Questions

1. Chiến tranh ở Việt Nam kết thúc năm nào?
2. Ai vào thành phố Sài Gòn?
3. Sài Gòn là thành phố của xã hội gì?
4. Tại sao những người ở Sài Gòn về trở nên bất mãn?
5. Những người này có tư tưởng gì?

Answers

1. 1975
2. cadres and soldiers
3. consumer (oriented) society
4. shortage of everything
5. to make money (by illegal means)

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Hai chủ nghĩa thường xuyên đụng đầu trên phạm vi kinh tế là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.
2. Chủ nghĩa tư bản phục vụ người tiêu thụ. Những thứ cần thiết hay tiện lợi cho người tiêu thụ sẽ được chú trọng để sản xuất.
3. Trong xã hội tiêu thụ, người bán dùng kỹ thuật quảng cáo để cố động người tiêu thụ mua hàng hóa của mình.
4. Vì vậy sống trong xã hội này mà không có tiền thì luôn luôn bị day dứt bởi cái mặc cảm thiếu thốn.
5. Chủ nghĩa xã hội thì nhà cầm quyền chỉ định loại hàng hóa và số lượng hàng hóa được phép sản xuất để dân dùng.
6. Những hàng hóa nào tiện lợi hay làm cho đời sống của người dân thoải mái thì không được sản xuất.
7. Trước kia, người dân chịu khổ vì không biết những thay đổi trên thế giới. Nhưng ngày nay, máy phát thanh là phương tiện mở rộng sự hiểu biết của người dân.
8. Hậu quả là những người sống dưới chính thể này rất bất mãn vì sự thiếu thốn hàng hóa cần dùng.
9. Họ so sánh lối sống của họ với lối sống của người dân trong xã hội tiêu thụ.
10. Vì vậy ta đã thấy người dân Liên xô chặn đường các khách ngoại quốc ở ngoại phố để xin mua quần áo của họ v.v...

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. In the present situation, most cadres and workers can't make ends meet on their salaries.
2. Because of their "have-not" complex, everyone has a fast-buck mentality, and from there it's very easy to go down the road to sin.
3. Many people get caught, then raise the following argument: "So many years of hardship-- we deserve a break today!"
4. "Living in the civilized world, we must enjoy the fruits of science and technology."
5. The arguments above are brought about by the influence of the South's consumer society.
6. It is very sad, for there are many among us who have understood American-style consumer society and condemned it.
7. Nowadays a person allowed into Ho Chi Minh City is influenced by consumerism immediately.
8. Consequently, we are not yet able to maintain the revolutionary viewpoint; we haven't done enough of our duty as cadres and workers.
9. The present situation doesn't yet permit us to live a life of leisure because we still encounter difficulties created by war and natural disasters.
10. If everyone wants to pursue the consumer society life-style, then they don't yet clearly understand the realities of our nation.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. The big countries in the world have spent a lot of money in order to develop military technology. Because of this, many types of strategic and tactical weapons have been put to use or continue to be the subject of research.
2. Nuclear weapons are regarded as a type of strategic weapon that many countries have manufactured and equipped their navies with.
3. Among the ships that are equipped with nuclear weapons are nuclear submarines. Nuclear submarines have many advantages such as the ability to dive deep in the water and carry out multiple surprise raids and attacks.
4. During World War II, Germany was able to manufacture the first generation of missiles consisting of V1 and V2 rockets. These rockets can be considered the "eldest brother" of the intercontinental ballistic missile models.
5. To avoid their destruction, ICBMs are installed on fixed pads in underground shelters. Presently, thanks to the use of wireless electronic equipment, aircraft flying high in the sky can detect these underground shelters.
6. After researching that problem, military technology scientists solved it by installing missiles on mobile pads. When necessary, mobile pads can change the position of missiles easily.
7. ICBMs usually carry many nuclear warheads and have the ability to destroy many targets at the same time.
8. Even though aircraft, missiles and nuclear submarines have a significant place in military equipment, in the end, infantry forces still play a very important role in national defense.
9. If the infantry wants to have superiority, the weapons with which it is equipped must be modern, from missiles, artillery and tanks to air defense weapons.
10. The above-mentioned tactical weapons need to be constantly improved and developed in order to support the infantry.

PART III.
B.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

1. Vũ khí chiến lược khác vũ khí chiến thuật như thế nào? Có người nghĩ vũ khí chiến lược là vũ khí hạt nhân và vũ khí chiến thuật là vũ khí phi hạt nhân (non-nuclear). Cách phân biệt như thế không hoàn toàn đúng.
2. Chẳng hạn máy bay B-52 dù có trang bị vũ khí hạt nhân hay không, nó vẫn là máy bay chiến lược. Còn tên lửa mặt đất dù có trang bị đầu nổ hạt nhân cũng vẫn được coi là vũ khí chiến thuật.
3. Tên lửa vượt đại châu, tên lửa hành trình và tàu ngầm nguyên tử là ba thứ vũ khí chiến lược đã được nhiều nước đưa vào sử dụng. Các vũ khí chiến thuật như xe tăng, tên lửa chống tăng, pháo v.v. không ngừng được cải tiến và phát triển.
4. Vậy ta có thể tạm nói như sau, các vũ khí chiến lược được dùng để phá hủy các cơ sở quân sự tại đất nước địch và vũ khí chiến thuật được dùng để chống lại (to resist) sự tiến công của địch.
5. Tất cả các loại vũ khí chiến thuật, nhất là các loại vũ khí trang bị cho lực lượng quân, không ngừng được các nước lớn cải tiến và phát triển.
6. Để chống các loại xe tăng mới có sức cơ động cao, người ta đã chế tạo ra nhiều loại tên lửa chống tăng. Loại tên lửa chống tăng thế hệ ba có thiết bị tự dẫn và chỉ thị mục tiêu bằng la-de hồng ngoại.
7. Tuy vũ khí chiến thuật đóng một vai trò quan trọng nhiệm vụ chi viện cho bộ binh, nhưng các nhà khoa học kỹ thuật quân sự vẫn không coi nhẹ sự phát triển vũ khí phòng không.
8. Các nước lớn, vì có lực lượng không quân mạnh, nên có ý đồ dùng không quân để tiến hành các cuộc tập kích chiến lược.
9. Sau nhiều năm nghiên cứu, các nhà khoa học quân sự dùng những thành tựu mới nhất của kỹ thuật vô tuyến điện tử để chế tạo các loại ra-da có nhiều khả năng đặc biệt.
10. Có loại ra-da phát hiện được địch ở mọi độ cao ở trên không từ rất xa. Có loại có thể phân biệt chính xác mục tiêu và dẫn đường cho không quân trong mọi điều kiện thời tiết. Cả hai loại này đều có khả năng chống nhiễu cao.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Trang và Nghĩa

- Trang: Anh mới học về vũ khí chiến lược và vũ khí chiến thuật, phải không?
- Nghĩa: Vâng, tôi mới vừa học xong, nhưng cũng chỉ biết qua loa thôi.
- Trang: Anh có thể kể cho tôi biết vài thứ vũ khí chiến lược được không?
- Nghĩa: Được chứ. Tôi biết hai thứ: Tàu ngầm nguyên tử và tên lửa vượt đại châu.
- Trang: Còn vũ khí chiến thuật?
- Nghĩa: Về vũ khí chiến thuật tôi cũng chỉ biết có hai thứ thôi: Một là pháo và hai là tên lửa chống tăng.
- Trang: Tôi muốn biết nhiều hơn nữa về vũ khí chiến lược và vũ khí chiến thuật. Vậy anh có thể nghiên cứu thêm để giúp tôi được không?
- Nghĩa: Tôi sẽ cố gắng hết sức để giúp anh. Tôi rất thích những người muốn hiểu biết rộng như anh.

Questions

1. Ai mới học về vũ khí chiến lược và vũ khí chiến thuật?
2. Pháo thuộc loại vũ khí nào? Còn tàu ngầm nguyên tử?
3. Trang và Nghĩa, người nào là người muốn hiểu biết rộng? Người nào phải nghiên cứu thêm?
4. Tại sao Nghĩa thích Trang?
5. Nghĩa hứa (to promise) sẽ làm gì?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Trang and Nghĩa

- Trang: You've just received instruction in strategic and tactical weapons, haven't you?
- Nghĩa: Yes, I have, but my knowledge on the subject is still very superficial.
- Trang: Can you give me the names of a few strategic weapons?
- Nghĩa: Surely. I know two of them: nuclear submarines and intercontinental ballistic missiles.
- Trang: What about tactical weapons?
- Nghĩa: I also know only two tactical weapons: Cannon is one of them, and the other type is antitank missiles.
- Trang: I want to know more about strategic and tactical weapons. Can you do some more study in order to help me?
- Nghĩa: I'll try my best to help you. I like people very much who want to broaden their knowledge like yourself.

PART V. LESSON CRITERION-REFERENCED TEST
A. (1)

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Họ luôn luôn cải tiến cách làm việc.
2. Liên-xô không ngừng phát triển vũ khí.
3. Có thể phát hiện máy bay ở mọi độ cao.
4. Chúng tôi buộc phải trả lời.
5. Ông có phân biệt được cái nào tốt cái nào xấu không?
6. Thời tiết vùng này thay đổi luôn luôn.
7. Vai trò của Mỹ rất quan trọng.
8. Nước bạn chi viện cho chúng ta.
9. Máy này có thể phát hiện tên lửa ở trên không.
10. Tên lửa đã bị tiêu diệt trước khi tác chiến.
11. Thế giới gồm có 5 dại châu.
12. Họ đã nghiên cứu thành công loại vũ khí đó.
13. Cần phát triển khả năng sẵn có.
14. Tên lửa cũng có thể là một vũ khí phòng không.
15. Hiện nay có gần 10 nước có vũ khí hạt nhân.
16. Tên lửa được đặt ở dưới hầm ngầm.
17. Pô-la-rít không phải là tàu ngầm nguyên tử.
18. Nước nào có ý đồ dùng không quân tập kích địch?
19. Tên lửa này có thiết bị tự dẫn.
20. Kỹ thuật vô tuyến điện tử ngày càng cải tiến.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Các nhà khoa học kỹ thuật quân sự đã nghiên cứu thành công nhiều loại vũ khí mới.
2. Tàu ngầm nguyên tử là một loại vũ khí chiến lược đã được nhiều nước chế tạo.
3. Loại tàu ngầm này có nhiều ưu thế vì nó có thể lặn sâu, tập kích bất ngờ và tiên công nhiều lần.
4. Để tránh bị tiêu diệt, tên lửa vượt đại châu bây giờ được đặt trên bộ cơ động.
5. Những tên lửa vượt đại châu mang nhiều đầu nổ hạt nhân có thể bắn vào nhiều mục tiêu cùng một lúc.
6. Các loại vũ khí chiến thuật cũng được cải tiến và phát triển không ngừng.
7. Tên lửa và pháo được phát triển và chiếm một vị trí quan trọng trong trang bị.
8. Hai thứ vũ khí này giữ một vai trò quan trọng trong nhiệm vụ chi viện cho bộ binh.
9. Trong chiến tranh hiện đại nhiều loại tên lửa chống tăng đã được dùng để chống các loại xe tăng có sức cơ động cao.
10. Vũ khí phòng không cũng được phát triển mạnh mẽ để chống lại các cuộc tập kích chiến lược.

- (3) Listening Comprehension: Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Tình hình thế giới càng ngày càng căng thẳng, hai nước Liên-xô và Mỹ tiếp tục chế tạo các loại vũ khí chiến lược từ tàu ngầm nguyên tử đến tên lửa vượt đại châu.

Các vũ khí chiến lược này có khả năng tiến công nhiều lần và bắn vào nhiều mục tiêu cùng một lúc.

Các kỹ thuật vô tuyến điện tử đã chiếm một vai trò rất quan trọng, trong công tác phát hiện địch từ rất xa, trên các đại châu cũng như ngoài biển.

Questions

1. Tình hình thế giới hiện nay thế nào?
2. Những nước nào chú trọng việc chế tạo vũ khí chiến lược?
3. Hai thứ vũ khí chiến lược nào đã được nói đến trong đoạn này?
4. Kể hai khả năng của vũ khí chiến lược.
5. Kỹ thuật gì đã chiếm một vai trò quan trọng trong công tác phát hiện địch?

Answers

1. tense
2. USA and USSR
3. atomic submarines, intercontinental missiles
4. can carry out repeated attacks/ attack many objectives at the same time
5. wireless electronics

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Với đà phát triển hiện nay của khoa học kỹ thuật quân sự, một ngày gần đây các nước có thể dùng vũ khí chiến lược để tiêu diệt nhau mà không cần thấy nhau.
2. Vòng đầu tiên công gồm các tên lửa vượt đại châu mang nhiều đầu nổ hạt nhân với khả năng phá hủy nhiều mục tiêu cùng một lúc.
3. Vòng hai tiên công gồm các máy bay chiến lược và tàu ngầm nguyên tử dùng tên lửa và vũ khí hạt nhân quét sạch các vị trí quân sự chưa bị hoàn toàn phá hủy.
4. Trong khi đó, nước bị tiên công dùng các vũ khí chiến lược chưa bị phá hủy bắn trả thù.
5. Vì vậy hiện nay nước nào cũng chú trọng đến công tác phòng thủ các khí giới chiến lược của mình để tránh khỏi bị tiêu diệt trước khi tác chiến.
6. Để tránh khỏi bị hoàn toàn tiêu diệt vòng đầu, các nước chú trọng đến việc phát triển vũ khí phòng không.
7. Trước hết người ta dùng các thành tựu kỹ thuật vô tuyến điện tử mới nhất để chế tạo các loại ra-đa đặc biệt.
8. Những loại này có khả năng nhanh chóng phát hiện địch trên không từ rất xa và ở mọi độ cao.
9. Đồng thời có thể phân biệt được chính xác mục tiêu và dẫn đường cho không quân trong mọi điều kiện thời tiết.
10. Vì thế trong chiến tranh hiện đại vũ khí hạt nhân sẽ chiếm một vai trò quan trọng. Nước nào có khả năng tránh khỏi bị tiêu diệt trong vòng đầu, nước ấy sẽ thắng.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. Military technologists/scientists have achieved success in their research on many types of new weapons.
2. Nuclear submarines are a type of strategic weapon that has been manufactured by many countries.
3. This kind of submarine has many advantages because it can dive deep in the water and carry out surprise raids and multiple attacks.
4. In order not to be wiped out, ICBMs are now mounted on mobile pads.
5. ICBMs carrying many nuclear warheads can fire at many targets at the same time.
6. Tactical weapons of many types are also constantly improved and developed.
7. Missiles and artillery are developed and have an important position as equipment.
8. These two types of weapons play an important role in the support given to the infantry.
9. In modern wars, many kinds of antitank missiles have been used to combat the types of tanks that are highly mobile.
10. Air defense weapons are also developed to fight against the strategic air raids.

PART III.

TRANSLATION

A.

(Vietnamese-English)

1. In lesson 80, we studied about strategic weapons. Lesson 81 will help students to understand about tactical weapons that the countries in the world have recently manufactured.
2. Next year America will equip its marines with a short-barreled type of artillery piece. Different from previous artillery, its advantage is that the time for preparing to fire will be shorter and it (the weapon) will be lighter.
3. After many successful experiments, the German Federal Republic has mass produced the Leopard 2 combat tank.
4. Engineers attach much importance to protecting the Leopard 2 against antitank missiles by means of steel armored plates that have a high degree of hardness. Between the armored plates there are, in addition, separate layers of plastic.
5. In order to resist other tanks, this tank is armed with 120-millimeter smooth-bore cannon and fires fixed wing shells.
6. A tank is a tactical weapon that is used to support infantry; therefore, enemy forces search for all kinds of weapons to destroy them.
7. For example, England and Belgium have developed and manufactured a type of antitank armored vehicle. On top of the vehicle toward the rear there is a rack of five antitank missiles. Inside the tank there are five reserve missiles.
8. The missiles mounted on the armored vehicle have a minimum range of 150 meters and a maximum range of 4000 meters. These missiles have the ability to search for targets by themselves in order to destroy them. Therefore this missile is called a missile 'with eyes'.
9. Although missiles are used to destroy other modern weapons, these missiles themselves are also destroyed by other missiles.
10. Engineers always attach importance to increasing the speed of airplanes that have the speed of sound in order to win predominance in the air. But these types of airplanes are only used in combat missions. They cannot patrol or fly for a long time.

PART III.

TRANSLATION
(English-Vietnamese)

B.

1. Các nước càng có lãnh hải rộng và dài lại càng cần có một lực lượng hải quân mạnh để bảo vệ lãnh hải của mình.
2. Ngày nay, với khoa học kỹ thuật quân sự phát triển không ngừng thì sự vi phạm lãnh hải cũng thường xuyên xảy ra. Các nước lớn dự tính dùng đủ các phương tiện như kỹ thuật vô tuyến điện tử của ra-đa, và máy bay đêm khí để ngăn chặn các vụ vi phạm này.
3. Ra-đa hiện đại có khả năng phát hiện địch nhanh chóng từ xa, phân biệt mục tiêu chính xác v.v. Nhưng, ngăn chặn các tàu ngầm và tàu nổi thì ra-đa và máy bay có tốc độ âm thanh không mang lại kết quả tốt.
4. Vì vậy, máy bay đêm khí mới đây xuất hiện ở châu Âu. Đây là một loại máy bay cánh quạt có khả năng bay cách mặt nước vài mét, có thể vượt các chương ngại vật giống như động tác nhảy cầu.
5. Tốc độ trung bình của máy bay là 150 Ki-lô mét/giờ và bay trên không, liền 20 giờ mà không cần hạ cánh. Vì vậy nó rất có ích lợi cho sự tuần tra mặt biển, tiên công tàu nổi hay tàu ngầm.
6. Ngày nay, các nhà khoa học kỹ thuật quân sự rất chú trọng nghiên cứu và chế tạo các loại tên lửa, từ tên lửa hành trình, không đối không, đất đối không, đất đối đất, tên lửa chống tăng đến tên lửa đối tên lửa.
7. Giữa tên lửa và pháo, các nhà quân sự thường chọn tên lửa. Tên lửa có khả năng tự điều khiển và tự tìm mục tiêu để diệt. Ngoài ra tầm bắn của tên lửa thường xa hơn pháo.
8. Nhưng giá chế tạo một tên lửa rất đắt và chỉ dùng được một lần so với pháo. Nên chỉ có các nước lớn mới có thể sản xuất và dự trữ được nhiều loại tên lửa để sử dụng khi tác chiến mà thôi.
9. Các nước nhỏ buộc phải chọn các "Anh cả", Mỹ hay Liên Xô. Con nếu không muốn lam tay sai thì hợp tác với nhau lập một liên bang để bảo vệ chủ quyền của mình.
10. Các nhà cầm quyền của liên bang có thể dùng tài nguyên của nước mình để chung mua các vũ khí chiến lược như tàu ngầm nguyên tử, tên lửa vượt đại châu, B-52 hay TU-16 và các vũ khí chiến thuật như pháo nông ngăn, xe tăng chiến đấu, tên lửa có "mắt", bọc thép chống tăng v.v..

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog Chinh và Khương

Chinh: Vũ khí hiện đại hiện nay có gì mới lạ không?

Khương: Anh muốn biết về vũ khí chiến lược hay chiến thuật?

Chinh: Anh cho biết về vũ khí chiến thuật đi.

Khương: Mỹ sẽ trang bị cho lính thủy đánh bộ pháo nòng ngắn XM.204.

Chinh: Còn xe tăng chiến đấu thì sao?

Khương: Liên bang Đức có loại mới là "Lê-ô-pác 2".

Chinh: Tôi nghe "Lê-ô-pác 2" có nhiều khả năng chiến đấu lắm, có đúng không anh?

Khương: Có lớp giáp bảo vệ cứng và có pháo cỡ 120 mi-li-mét.

Chinh: Chắc xe này chi viện bộ binh tốt lắm.

Questions

1. Chinh muốn biết gì về vũ khí hiện đại?
2. Chinh muốn biết về vũ khí hiện đại nào?
3. Mỹ sẽ trang bị gì cho lính thủy đánh bộ?
4. Theo bài báo thì vũ khí này có khả năng gì?
5. Nước nào chế tạo xe tăng "Lê-ô-pác 2"?
6. Xe tăng này có những gì để bảo vệ nó?
7. Xe tăng thường được dùng chi viện cho đơn vị nào?

PART IV.

B. Translation of the Dialog

Chinh and Khuong

Chinh: At the present time, is there anything novel about current weapons?

Khuong: Do you want to know about strategic weapons or tactical weapons?

Chinh: Tell me about tactical weapons.

Khuong: The United States will equip marines with the XM-204 short barreled artillery piece.

Chinh: What about combat tanks?

Khuong: The German Federal Republic has a new type, the Leopard 2.

Chinh: I heard that the Leopard 2 has many combat capabilities. Is this true?

Khuong: It has hard protective armor plates and 120-millimeter cannon.

Chinh: This vehicle certainly will aid the infantry very well.

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Đơn vị này đi tuần tra tôi nay.
2. Trước khi sản xuất phải thí nghiệm đã.
3. Máy bay cánh quạt bay chậm lắm.
4. Tôi gặp anh ấy trung bình hai ngày một lần.
5. Họ định sản xuất hàng loạt xe ô tô mới.
6. Tôi thiếu là sáu người.
7. Tâm bán cũng khá xa.
8. Có những tên lửa tự điều khiển.
9. Chủ nghĩa bành trướng là một chương ngại vật cho hòa bình.
10. Mỗi người có hai mắt.
11. Anh để gì ở trên nóc xe?
12. Tâm thép này cứng lắm.
13. Áo này giống như áo của tôi.
14. Động tác đó dễ.
15. Pháo nòng ngắn làm bằng thép.
16. Dùng cái này để ngăn cách gạo và ngô.
17. Pháo đó cỡ bao nhiêu?
18. Trên nóc xe có cái giàn tên lửa.
19. Phải dự trữ gạo.
20. Người Bỉ nói tiếng Pháp.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Chỉ viện lục quân là một điều rất quan trọng. Vì quan điểm đó, chương trình chế tạo vũ khí chiến thuật đã được phát động mạnh mẽ.
2. Nước Đức đã thí nghiệm thành công một loại xe tăng chiến đấu mới và đưa vào sản xuất hàng loạt xe tăng chiến đấu này ngay.
3. Xe tăng này có nhiều khả năng đặc biệt như có lớp giáp bảo vệ cứng và được lắp pháo cỡ 120 mi-li-mét.
4. Trong khi đó, các nhà khoa học kỹ thuật quân sự Anh nghiên cứu và sản xuất một loại xe bọc thép chống tăng.
5. Xe này được trang bị bằng một giàn tên lửa chống tăng. Tâm bắn tối thiểu là 150 mét và tối đa là 4000 mét.
6. Các máy bay có tốc độ siêu âm được dùng để chiến đấu và ngăn chặn máy bay đến tiền công lãnh thổ của mình.
7. Nhưng máy bay có tốc độ siêu âm, nếu dùng vào công tác tuần tra mặt biển thì không có lợi.
8. Nhất là khi các tàu ngầm nguyên tử hiện nay có thể lặn sâu được gần 1000 mét và ở dưới nước rất lâu.
9. Để chống lại các vụ vi phạm lãnh hải, ở châu Âu xuất hiện một loại máy bay mới là máy bay đệm khí.
10. Loại máy bay cánh quạt có thể bay trên không liên 20 giờ mà không cần hạ cánh. Người ta dự tính dùng máy bay để tuần tra mặt biển.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Lục quân Mỹ kiên quyết tăng cường hỏa lực của bộ binh bằng cách dùng loại pháo nòng ngắn XM.204 để trang bị thêm cho bộ binh. Ngoài ra, Mỹ cũng sẽ mua loại xe tăng chiến đấu mới "Lê-ô-pác 2" của Đức và xe bọc thép chống tăng của Anh.

Trong khi đó Mỹ sẽ bán cho châu Âu loại máy bay cánh quạt để dùng trong công tác tuần tra trên mặt biển.

Questions

1. Lục quân Mỹ kiên quyết làm gì?
2. Trước đây XM.204 đã được bộ binh Mỹ dùng chưa?
3. Mỹ sẽ mua của Đức thứ vũ khí nào?
4. Nước Anh sẽ bán cho Mỹ thứ vũ khí nào?
5. Châu Âu sẽ mua của Mỹ thứ vũ khí nào?

Answers

1. Strengthen the fire power of the infantry.
2. not yet
3. combat tank "Leopard 2"
4. antitank armored vehicle
5. propeller-driven planes

PART V.
B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Cộng hòa liên bang Đức đã thí nghiệm thành công một loại xe tăng chiến đấu mới. Dự tính đưa vào sản xuất loại xe tăng này vào năm tới.
2. Khả năng của loại xe này gồm lớp giáp bảo vệ có độ cứng cao, được lắp phao cơ 120 milimet nông tròn, bắn đạn có cánh cố định.
3. Trong khi đó, nước Anh mới chế tạo một loại xe bọc thép chống tăng cho lực lượng của mình và của Bỉ.
4. Trên nóc xe về phía sau có lắp một giàn 5 tên lửa chống tăng và ở trong gian con có 5 tên lửa dự trữ.
5. Ngoài tên lửa này còn có loại tên lửa chống xe tăng có sức cơ động cao. Loại tên lửa này có thiết bị tự dẫn v.v.
6. Vừa qua các nước Anh Bỉ hợp tác chế tạo và sản xuất một loại máy bay đệm khí.
7. Loại máy bay cánh quạt này có thể bay cách mặt nước vài mét. Trong khi bay, nó có thể vượt các chướng ngại vật giống như các động tác nhảy cầu.
8. Khả năng của loại máy bay này là nó có thể bay liên 20 giờ mà không cần hạ cánh.
9. Máy bay này sẽ được dùng để tuần tra mặt biển, tiên công các tàu nổi và tàu ngầm.
10. Đây là tất cả các vũ khí chiến thuật hiện đại hiện nay đang được sử dụng để bảo vệ hoa bình.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. Supporting the army is a very important matter. Because of this position, programs for manufacturing tactical weapons have been pushed strongly.
2. Germany successfully tested a new type of combat tank and put this type of combat tank into mass production right away.
3. This tank has many special capabilities, such as hard protective armor layers, and it is armed with 120 millimeter cannon.
4. Meanwhile British scientists and technologists developed and produced a type of antitank armored vehicle.
5. This vehicle is equipped with a rack of antitank missiles. The minimum range of fire is 150 meters, and the maximum range is 4000 meters.
6. Supersonic airplanes (airplanes that fly at the speed of sound) are used to fight and stop airplanes that come to attack their territory.
7. But supersonic airplanes are useless for patrolling missions over the surface of the sea.
8. This is so especially since modern atomic submarines can dive nearly 1000 feet deep and stay under the water for very long periods.
9. To counter violations of territorial waters, a new type of airplane, the hover plane, has appeared in Europe.
10. Propeller type airplanes can fly in the air continuously for 20 hours without needing to land. It is planned to use such airplanes to patrol the surface of the sea.

PART III.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

A.

1. Nowadays, when people talk about weapons, they usually talk about contemporary nuclear weapons, missiles, supersonic aircraft and radar.
2. But people forget that no matter how modern they are, weapons are only a means to a quick solution in a tense situation.
3. For example, a large country might use such a nuclear weapon as the cruise missile to effectively do away with the military installations of the enemy. These facts absolutely do not mean that strategic aircraft have lost their usefulness.
4. That is why, after the first round of attack, the foot soldier and the infantry weapons are still what, above other things, decides the outcome on the battlefield.
5. Nowadays, people have to acknowledge that the foot soldier and his rifle are still basic weapons whose effect is to be reckoned with on a permanent basis.
6. Along with technological developments in the manufacture of contemporary weapons, project engineers never cease conducting research and experimenting with various types of versatile guns; the varied usefulness of these guns is to effectively destroy all targets on the battlefield.
7. The foot soldier uses armor piercing projectiles to destroy targets that have a hard surface such as tanks, armored vehicles, and fortifications, or he uses fragmentation grenades or chemical grenades when he confronts a great number of enemies.
8. Instead of using only one type of grenade launcher, the U.S. forces also mount grenade launching tubes onto small caliber guns such as the XM-203 type which combines the M-79 with the M-16.
9. Among the basic infantry weapons, the M-79 is the most effective one. It can release/shoot many different types of shell such as the fragmentation grenade, the armor piercing projectile and the chemical grenade.
10. However, in practice, no matter how contemporary the infantry weapons are, if the foot soldier lacks in intelligence, in courage and in spirit, then those weapons will not have any significant advantage.

PART III.
B.TRANSLATION
(English-Vietnamese)

1. Trái lại các dự tính của các nhà khoa học nghiên cứu kỹ thuật quân sự và thí nghiệm vũ khí hiện đại thì người lính bộ binh và khẩu súng trường vẫn là vũ khí cơ bản trong thế kỷ thứ 21.
2. Người ta có quan điểm sai lầm như vậy vì trong 10 năm qua kỹ thuật chế tạo vũ khí hiện đại đã phát triển không ngừng và quá nhanh.
3. Chẳng hạn, điện tử đã và đang đóng một vai trò rất quan trọng cho sự phát triển trên. Các tên lửa đủ loại dung thiết bị tự dẫn có thể tìm mục tiêu phá trong mọi điều kiện thời tiết.
4. Nhưng tên lửa có lợi ích đến đâu đi nữa thì công dụng của nó cũng bớt đi khi nó bị các loại ra-đa có khả năng nhanh chóng phát hiện trên không và từ rất xa.
5. Vì thừa nhận điều đó nên mấy năm qua các loại vũ khí chiến thuật không ngừng cải tiến và phát triển, nhất là các loại vũ khí trang bị cho lục quân.
6. Loại vũ khí căn bản nhất vẫn là khẩu súng trường. Vì nó có tác dụng lâu dài và được quân đội của các nước sử dụng rất rộng rãi và không ngừng được hoàn thiện.
7. Trong điều kiện chiến tranh hiện đại, người lính bộ binh mong muốn có một kiểu súng vạn năng, tức là có công dụng tiêu diệt được mọi mục tiêu như xe tăng, công sự hay sơ đồng kẻ thù.
8. Điều mong muốn trên có thể thực hiện được trong một ngày rất gần đây. Hiện nay các nhà khoa học kỹ thuật đang thí nghiệm một loại súng bộ binh bán bằng la de hồng ngoại. Như ta đã biết la de hồng ngoại có khả năng phá các mục tiêu có vỏ cứng.
9. Trong khi chờ đợi các loại vũ khí hiện đại được sử dụng rộng rãi thì hiện nay người lính bộ binh đã có một khẩu súng vạn năng XM.203.
10. Loại súng này có nhiều khả năng lúc bình thường thì sử dụng như súng M.16, nhưng khi cần lại có thể sử dụng như khẩu M.79. Khẩu XM.203 có thể bắn nhiều loại đạn có tác dụng khác nhau như đạn xuyên thép, đạn hóa học và đạn sát thương v.v..

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog

Trung và Quý

Trung: Có vũ khí hạt nhân, máy bay siêu âm và ra-đa hiện đại thì súng bộ binh mất hết tác dụng rồi.

Quý: Súng bộ binh chỉ mất tác dụng khi đương đầu với vũ khí hạt nhân. Nhưng nếu con lính bộ binh thì súng bộ binh còn có công dụng.

Trung: Đồng ý. Nhưng khẩu súng trường thì đương đầu với một xe tăng hiện đại thế nào được!

Quý: Vậy chắc anh chưa nghe đến súng XM.203 rồi.

Trung: Loại súng chống tăng chứ gì?

Quý: Đúng. Đây là kiểu súng trường vạn năng. Nó có thể bắn được ba bốn loại đạn khác nhau.

Trung: Súng này có nặng không?

Quý: Không. Nhẹ lắm.

Trung: Như vậy tốt lắm.

Questions

1. Tại sao Trung nghĩ súng bộ binh mất tác dụng?
2. Đối với Quý thì trong trường hợp nào súng bộ binh sẽ bị mất tác dụng?
3. Nếu còn lính thì súng bộ binh còn có tác dụng không?
4. Trung so sánh khẩu súng trường với loại vũ khí nào?
5. Loại súng mới nhất kiểu gì?
6. Trung tưởng loại súng mới nhất này là loại súng gì?
7. Người ta gọi kiểu súng trường có nhiều công dụng khác nhau là kiểu súng gì?
8. Kiểu súng này bắn được mấy loại đạn?

PART IV.

B. Translation of the Dialog
Trung and Qui

Trung: Because of nuclear weapons, supersonic aircraft and modern radar, the infantry weapons have lost their effect.

Qui: They only lose their effect when they are used against nuclear weapons. But as long as there are infantry soldiers, then infantry weapons will still have their usefulness.

Trung: Agreed! But how can a rifle be used against a modern tank?

Qui: Perhaps you haven't heard about the MX-203.

Trung: An antitank weapon, right?

Qui: Correct. This is a multi-purpose rifle. It can fire three or four different types of shells.

Trung: Is it heavy?

Qui: No, it is very light.

Trung: Then, it is very good.

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Anh đã quyết định công tác nhiệm vụ đó chưa?
2. Thuốc này có công dụng tiêu diệt bệnh sốt rét.
3. Tôi mất hết tinh thần làm việc rồi.
4. Súng này phá công sự thế nào được!
5. Anh trả lời như vậy tức là anh không biết.
6. Tuy nhiên, tôi cũng nghĩ như vậy.
7. Chính phủ Mỹ không thừa nhận chính phủ Việt Nam.
8. Bình thường thì cô ấy đến đây 2 lần một tuần.
9. Chiến trường vẫn là nơi quyết định hàng đầu.
10. Vũ khí hạt nhân có nhiều tác dụng.
11. Trái lại sự dự tính của nhiều người.
12. Tôi tuyệt nhiên không biết gì về chuyện ấy cả.
13. Phải có phương tiện và điều kiện mới đi được.
14. Lực lượng A kết hợp với lực lượng B.
15. Ông nên đến nói riêng với ông ấy.
16. Súng trường là một vũ khí bộ binh.
17. Muốn có hiệu quả tốt thì phải có chương trình tốt.
18. Họ đã dũng cảm bảo vệ lãnh thổ của tổ quốc.
19. Máy bay Mig là máy bay siêu âm.
20. Ngồi vào hàng đầu cũng được.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation.

1. Ngày nay súng bộ binh chỉ có tác dụng hạn chế nên các kỹ sư cố gắng nghiên cứu để hoàn thiện một kiểu súng mới.
2. Nhưng muốn có một kiểu súng tốt có tác dụng lâu dài để bộ binh sử dụng thì chưa có.
3. Trong điều kiện chiến tranh hiện đại, vũ khí hạt nhân, tên lửa và máy bay siêu âm đã thay đổi vai trò của người lính bộ binh rất nhiều.
4. Chúng ta cứ nghĩ người lính bộ binh với khẩu súng trường ở nơi chiến trường thì làm thế nào ngăn chặn được các xe tăng hiện đại.
5. Vì thiếu các vũ khí hiện đại để trang bị cho lính bộ binh, có người đã nói: "cái quyết định hàng đầu trên chiến trường là sự thông minh và tinh thần dũng cảm của người lính."
6. Không ai phủ nhận điều ấy cả, nhưng sự thông minh ở đây có nghĩa là biết tiên và biết rút (lui).
7. Vì vậy công tác chế tạo vũ khí và đồ thiết bị cho người lính bộ binh đã được các nước trên thế giới quan tâm đến nhiều.
8. Mọi đây chúng ta đã thấy một kiểu súng vạn năng mới của Mỹ, chiếc XM.203. Súng này là sự kết hợp của súng M.79 và M.16.
9. Loại súng này lúc bình thường thì được sử dụng như M.16 và khi cần lại có thể sử dụng như khẩu M.79.
10. Nhưng chúng ta hy vọng vũ khí có hiện đại đến đâu đi nữa thì cũng chỉ là một phương tiện ngăn chặn chiến tranh thế giới mà thôi.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Súng trường được chế tạo năm 1630, nhưng đến năm 1854, tức là sau hơn 200 năm người ta mới hoàn thiện được loại súng trường hiện đại.

Nhiều người hy vọng đến cuối năm 1990 sẽ có một kiểu súng vạn năng. Nó có tác dụng bắn được đủ các loại đạn khác nhau và khi cần thì có thể dùng như súng bắn la de hồng ngoại.

Questions

1. Súng trường được chế tạo năm nào?
2. Bao nhiêu năm sau súng trường mới được hoàn thiện?
3. Người ta hy vọng năm nào mới có một kiểu súng vạn năng?
4. Súng này có tác dụng gì?
5. Khi cần súng này có thể dùng như súng gì?

Answers

1. 1630
2. more than 200 years
3. 1990
4. can shoot many types of ammunition
5. laser gun

B. (1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Súng bộ binh chỉ mất tác dụng khi đương đầu với vũ khí hạt nhân. Nhưng nếu con lính bộ binh thì súng bộ binh con đồng dụng.
2. Súng bộ binh chỉ mất tác dụng khi đương đầu với tên lửa hay các vũ khí hiện đại. Nhưng súng XM.203 được sử dụng trong chiến trường miền Nam được coi là súng vạn năng.
3. Khi súng này được lắp các ống pháo lựu, nó được sử dụng như súng phóng lựu riêng. Khi cần lại có thể sử dụng như khẩu M.79 và có thể bắn được nhiều loại đạn khác nhau.
4. Tuy nhiên, khẩu súng này dù hiện đại đến đâu đi nữa thì cũng chỉ là một phương tiện giúp người chiến sĩ nơi chiến trường.
5. Theo nhiều người thì cái quyết định hàng đầu trên chiến trường là sự thông minh và tinh thần chiến đấu dũng cảm của những người lính.
6. Vì vậy các quốc gia trên thế giới rất quan tâm đến vấn đề giữ tinh thần quân đội cao bằng cách cho người lính nhiều lương, nhà ở tốt v..v..
7. Chính phủ cho rằng khi người lính có đủ các tiện lợi cùng các đồ thiết bị hiện đại thì tinh thần chiến đấu sẽ tăng thêm nhiều.
8. Lý do là người lính sẽ chiến đấu dũng cảm để bảo vệ tài sản của mình. Hậu quả của công tác này là giữ độc lập tự do cho quốc gia.
9. Trong khi đó các nước theo chủ nghĩa xã hội chú trọng đến công tác tuyên truyền người lính, người dân.
10. Nhà cầm quyền thường nói kẻ thù của chủ nghĩa xã hội là tư bản. Tư bản và đế quốc là kẻ thù chung của dân tộc thế giới thứ ba.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. At the present time, infantry weapons have only limited usage, so the engineers have tried to do a lot of research in perfecting a new type of weapon.
2. But if we want a type of weapon that has a lasting effect for infantry use then we have to wait (there are none yet).
3. Under modern warfare conditions, nuclear weapons, missiles and supersonic aircraft have changed the role of the infantryman a great deal.
4. We always think an infantryman with his rifle can do nothing to stop those modern tanks on the battlefield.
5. Due to the lack of modern weapons with which to arm the infantry, some people have said: "The deciding factor on the battlefield is the soldier's intelligence and courageous spirit".
6. No one denies that intelligence here means to know when to advance and when to retreat.
7. So the task of manufacturing weapons and equipment for the infantry has been given much attention by many countries in the world.
8. Recently, we have seen a new U.S. multi-purpose type of weapon; the XM -203. This weapon is the combination of the M-79 and M-16.
9. This type of weapon is usually used as an M-16, but when needed, it can be utilized as an M-79.
10. But we hope that no matter how modern weapons are, they are only a means to prevent a world war.

PART III.
A.

TRANSLATION
(Vietnamese-English)

1. On October 4, 1957, the Soviet Union launched Sputnik into space. This startled the whole world because after the Second World War nobody expected that Soviet scientists could manufacture and launch a satellite into space like that.
2. American universities and the U.S. government began to attach importance to space research programs. They strengthened math programs in high schools and colleges, gave support to engineers, and helped Werner von Braun and more than 150 technicians to enter the United States.
3. The first facility for space research was established in Houston, Texas. Here Mr. Von Braun and more than 150 technicians did research on and improved upon the V-2 rocket.
4. On January 31, 1958, the United States also launched its first satellite, Explorer 1, into space. From 1957 to 1973 the United States and the Soviet Union spent a lot of money on space research programs.
5. During these years, England, France, Japan, and China all also had their own space research programs. But perhaps because it was too expensive, only three countries, France, Japan, and China were able to achieve significant results.
6. In April 1961, Russia launched its first manned spaceship into space. The name of the pilot was Yuri Gagarin. After the 1961 test flight of Alan Shepard in 1962, the United States also successfully launched into orbit its first spaceship, piloted by John Glenn.
7. Comparing the Gemini program of the United States and the Vostok program of the Soviet Union, scientists of the two countries realized that missions that can be carried out on earth also could be carried out in space.
8. The objective of the Gemini program was to study the ability of spaceships to link up (dock) with an orbiting space station because this ability is very essential to the success of the Apollo program.
9. The objective of the Vostok program was to use a spacecraft to carry two or three people into space. In 1964 Soviet cosmonaut Leonov was the first person to go out of a spacecraft and perform a space walk.

TRANSLATION (continued)
(Vietnamese-English)

10. After 1972, the United States no longer attached importance to launching manned spacecraft into orbit. However, the United States still continued to launch weather and communications satellites into space.

PART III.

TRANSLATION

B.

(English-Vietnamese)

1. Ngày 23 tháng 7, 1980 Liên Xô phóng một tàu vũ trụ "Liên hợp 37" lên khoảng không vũ trụ. Đội bay quốc tế gồm một đại tá Liên Xô và một trung tá Việt Nam.
2. Đội bay quốc tế này do phi công Vich-to Go-rơ-bát-cô chỉ huy. Đây là chuyến bay thứ hai của Go-rơ-bát-cô. Nhân viên thứ hai của đội bay là một nhà nghiên cứu Việt Nam tên là Phạm Tuấn.
3. Chương trình chuyên bay của con tàu này dự tính ghép nối với tổ hợp quỹ đạo "chào mừng 6" và "Liên hợp 36". Sau đó, đội bay quốc tế này sẽ hợp tác với hai nhà du hành vũ trụ Pô-Pốp và Ri-u-min để tiến hành các cuộc nghiên cứu trên tổ hợp trong khoảng không vũ trụ.
4. Theo quá trình bay, thì đây là một chuyến bay có mục đích hòa bình do các nước chủ hầu Liên Xô tham gia chương trình In-te-cô-xmôt tiến hành.
5. Sự có mặt của Phạm Tuấn trong chuyến bay này là do tình hình căng thẳng giữa Trung Quốc và Việt Nam. Vì Liên Xô muốn cho Trung Quốc biết nước Việt Nam chẳng những cũng ở trong quỹ đạo vũ trụ với Liên Xô mà còn ở trong quỹ đạo xa hội chủ nghĩa với Liên Xô nữa.
6. Liên Xô cũng dùng chuyến bay của đội bay quốc tế làm phương tiện tuyên truyền với các nước của thế giới thứ ba. Cái lợi ích thứ nhất khi một quốc gia nhận sự chi phối của Liên Xô là chi viện kinh tế và quân sự. Cái lợi ích thứ hai là một công dân của nước đó có thể được tham gia vào chương trình In-te-cô-xmôt của Liên Xô.
7. Ngoài ra Liên Xô cũng cho các nước khác biết sự thành công này là biểu hiện rạch ròi của tình hữu nghị anh em và phạm ảnh sự thống nhất của các nước cộng đồng xa hội chủ nghĩa.
8. Theo thông báo của Thống tân xã Liên Xô thì sức khỏe của hai nhà du hành vũ trụ tốt và các hệ thống máy móc trên tàu hoạt động như dự tính.
9. Hai nhà du hành vũ trụ đã bắt tay vào việc thực hiện chương trình của chuyến bay. Họ đã thành công trong công tác ghép nối với tổ hợp quỹ đạo "chào mừng 6" và "Liên hợp 36" để tiến hành các cuộc nghiên cứu và thử nghiệm trên tổ hợp cùng với các nhà du hành vũ trụ khác.
10. Chuyến bay "Liên hợp 37" đã kết thúc vào cuối tháng 7. Trung tá Tuấn mới đại tá Go-rơ-bát-cô sang Việt Nam. Hai nhà du hành vũ trụ đã được nhân dân Việt chào và đón như anh hùng của tổ quốc.

PART IV. LISTENING COMPREHENSION EXERCISE

A. Dialog

Trịnh và Tùng

- Trịnh: Anh có nghe thông báo của thông tấn xã Liên Xô Tass không?
- Tùng: Thông báo gì anh?
- Trịnh: Trung Tá Tuân là người Việt Nam đầu tiên bay vào vũ trụ.
- Tùng: Con tàu vũ trụ đã được phóng bao giờ anh?
- Trịnh: Hồi 9 giờ rưỡi, giờ Mát-xcơ-va.
- Tùng: Anh có biết chương trình của chuyến bay này không?
- Trịnh: Họ dự tính ghép nối với tổ hợp quỹ đạo "chào mừng 6" và "Liên hợp 36".
- Tùng: Họ sẽ ở trên khoảng không vũ trụ bao lâu?
- Trịnh: Chắc độ một tuần thôi.

Questions

1. Thông tấn xã Tass của nước nào?
2. Thông tấn xã này thông báo gì?
3. Trung Tá Phạm Tuân là ai?
4. Con tàu vũ trụ được phóng bao giờ?
5. Mục đích của con tàu vũ trụ là gì?
6. Con tàu vũ trụ này sẽ ở trong khoảng không vũ trụ bao lâu?

PART V.

B. Translation of the Dialog

Trinh and Tung

Trinh: Have you heard the bulletin of the Soviet Union news agency TASS?

Tung: What bulletin?

Trinh: Lieutenant Colonel Tuan is the first Vietnamese to fly in space.

Tung: When was the spaceship launched?

Trinh: At 9:30, Moscow time.

Tung: Do you know the flight plan?

Trinh: They plan to link up (dock) with the orbiting space station Saljut 6.

Tung: How long will they be in outer space?

Trinh: Definitely only one week.

PART V.
A. (1)

LESSON CRITERION-REFERENCED TEST

Vocabulary in Context: Each of the following words or phrases will be given in context. The word or phrase for translation will be repeated in isolation at the second reading.

1. Ở Hà Nội có Việt Nam Thông tấn xã.
2. Chỉ có Mỹ và Liên Xô có tàu vũ trụ thôi.
3. Người Việt đầu tiên bay vào vũ trụ là Phạm Tuân.
4. Bao giờ anh mới tiến hành công tác này?
5. Phi công là người lái máy bay.
6. Sau khi nghiên cứu thì phải thử nghiệm.
7. Ai cũng nên bảo vệ sức khỏe của mình.
8. Anh nói như vậy tức là anh không biết.
9. Tôi sẽ bắt tay vào làm ngay.
10. Anh đề thông báo ở đâu?
11. Đề tôi điều khiển chương trình này.
12. Sự thành công này biểu hiện sự hợp tác của nhiều người.
13. Và nó cũng phản ánh sự thống nhất tinh thần của dân tộc ta.
14. Tinh hữu nghị anh em ngày càng chặt chẽ.
15. Ngày nào cũng có hai chuyến bay.
16. Họ phóng tên lửa tiên công vị trí.
17. Nhà du hành vũ trụ là Phạm Tuân.
18. Liên Xô phóng người lên quí đạo đầu tiên.
19. Phải ghép nối hai chương trình làm một.
20. Liên Xô cũng là nước đầu tiên tiến hành công tác tổ hợp quĩ đạo trong khoảng không vũ trụ.

(2) Written Interpretation: Each of the following 10 sentences will be given twice. After the second reading, write down your English translation .

1. Ngày 23 tháng 7 năm nay, Liên Xô phóng một con tàu vũ trụ lên khoảng không vũ trụ.
2. Điều khiển con tàu vũ trụ này có một đại tá Liên Xô và một trung tá người Việt Nam.
3. Theo thông báo của Thông tấn xã thì con tàu "Liên hợp 37" dự tính ghép nối với tổ hợp quỹ đạo "chào mừng 6".
4. Theo quá trình bay thì đội bay quốc tế này sẽ tiến hành các cuộc nghiên cứu khoảng không vũ trụ.
5. Thông tấn xã Tass cũng tin thêm rằng chương trình In-te-cô-xmôt đã có mục đích để các nước xã hội chủ nghĩa tham gia.
6. Sự tham gia chặt chẽ của các nước sẽ phản ánh sự thành công của chính sách Liên Xô đối với các nước theo xã hội chủ nghĩa.
7. Ngoài ra, Liên Xô cũng định cho Trung Quốc biết Liên Xô thường xuyên chú trọng đến Việt Nam.
8. Dù Việt Nam có xâm lược Cam-pu-chia hay không, Liên Xô sẽ thường xuyên ủng hộ lập trường Việt Nam đối với bán đảo Đông Dương.
9. Còn đối với Việt Nam thì việc Phạm Tuân được phóng lên vũ trụ là một biểu hiện rạch ròi của chính sách ủng hộ Liên Xô.
10. Vì vậy chuyến bay của đội bay quốc tế này có mục đích tuyên truyền hơn là có mục đích phục vụ khoa học.

- (3) **Listening Comprehension:** Listen to the following passage which will be voiced twice. After the second reading you will hear 5 questions in Vietnamese. Answer each question in English. You can take notes while listening.

Ngày 24 tháng 7, Hà Nội nhận được thông báo về việc phóng một tàu vũ trụ lên quỹ đạo.

Người điều khiển con tàu này là một đại tá và một nhà nghiên cứu là trung tá. Chuyến bay này được nhà cầm quyền chú trọng vì đây là lần đầu tiên một người Việt Nam tham gia chương trình In-te-cô-xmôt được phóng vào vũ trụ.

Questions

1. Hà Nội nhận được thông báo về gì?
2. Thông báo này đến Hà Nội bao giờ?
3. Ai điều khiển con tàu này?
4. Tại sao Hà Nội chú trọng đến chuyến bay này?
5. Chương trình phóng các nhà du hành của nước khác vào vũ trụ của Liên Xô tên là gì?

Answers

1. A spaceship is launched.
2. twenty-fourth of July
3. a Colonel
4. the first Vietnamese cosmonaut
5. Intercosmo

PART V.
(1)

Dictation: Using the Vietnamese alphabet and tone marks, write down the following taped sentences. You may replay the tape as many times as required. No lexical aids are permitted.

1. Liên Xô và Mỹ chú trọng đến chương trình nghiên cứu vũ trụ với mục đích quân sự ngay từ sau chiến tranh thứ hai.
2. Liên Xô bắt rất nhiều nhân viên kỹ thuật ở Bơ-Lin về nước để chế tạo và hoàn thiện tên lửa.
3. Mỹ cũng bắt được nhiều chuyên gia tên lửa về Mỹ. Nhưng công trình sự nay hợp tác với các kỹ sư Mỹ phát triển chương trình nghiên cứu khoảng không vũ trụ.
4. Ngày 4 tháng 10 1957, Liên Xô bắt ngờ phóng Spu-nik vào vũ trụ. Ba tháng sau Mỹ cũng phóng Ju-pi-tơ vào vũ trụ. Từ đó cả hai nước đều phát triển mạnh mẽ chương trình này.
5. Ngày 24 tháng 7 năm 1980, Liên Xô phóng con tàu vũ trụ "Liên hợp 37" vào quỹ đạo. Đây là một vụ phóng tàu thương xuyên của Liên Xô.
6. Nhưng lần này đội bay quốc tế gồm có một người Việt Nam. Sự có mặt của trung tá Phạm Tuấn trong chuyến bay làm các nước ở thế giới thứ ba có một quan điểm khác đối với Liên Xô.
7. Sự tham gia của một người Việt trong chương trình In-te-cô-xmô-t là biểu hiện chính sách mới của Liên Xô đối với các nước nhỏ. Một chính sách hợp tác và một thái độ bảo vệ của nước lớn đối với một nước nhỏ.
8. Trong khi đó thì Việt Nam nghĩ là nếu mình nhận sự chi phối của Liên Xô thì chẳng những được chi viện về quân sự và kinh tế mà còn nổi tiếng nữa.
9. Còn Liên Xô thì dùng dịp này để đưa các nước nhỏ vào vòng quỹ đạo của Liên Xô.
10. Sau một tuần tiên hành các cuộc thử nghiệm trên tờ hợp với quỹ đạo "chạy mừng 6" và Liên hợp 36 chuyên bay "Liên hợp 37" đã kết thúc.

(2) Translation: (Vietnamese spoken-English written)

1. On July 23 of this year, the Soviet Union launched a spaceship.
2. Manning this spaceship were a Soviet Colonel and a Vietnamese Lt. Colonel.
3. According to the bulletin of the news agency, the spaceship Soyuz 37 plans to link up (dock) with the orbiting space station Salyut 6.
4. According to the flight report, this international flight crew will carry out research in outer space.
5. TASS news agency also reported that one purpose of the Intercosmos program is to let socialist countries participate.
6. The close-knit participation of these countries will reflect the success of the Soviet Union's policy towards socialist countries.
7. In addition, the Soviet Union also plans to let China know that the Soviet Union will attach importance to Vietnam permanently.
8. Whether or not Vietnam invaded Cambodia, the Soviet Union will permanently back the position of Vietnam regarding the Indochinese peninsula.
9. With regard to Vietnam, Phạm Tuân's being launched into space is a brilliant manifestation of its policy of supporting the Soviet Union.
10. Therefore, the flight of this international crew was more important as a propaganda issue than as a service to science.

